



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM



# TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

*Tp. Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2023*



# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Trụ sở chính: 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Giấy CNĐKDN số: 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/11/2021

Điện thoại: (028) 3837 0026 Fax: (028) 3836 5899 - 3836 5899 Website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn)

## THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

### Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (Tổng công ty) trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 như sau:

- Thời gian tổ chức đại hội:** 13g00, ngày 09 tháng 4 năm 2023 (Chủ Nhật).
- Địa điểm họp:** Hội trường Thống Nhất - Công số 135 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Nội dung đại hội:**

Tài liệu nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 được Tổng công ty đăng tải tại website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn) mục Quan hệ cổ đông từ ngày 19/3/2023 và gửi bản in đến Quý cổ đông khi tham dự đại hội.

- Đăng ký dự họp:**

Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp đại biểu, Quý cổ đông vui lòng *đăng ký tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023* tại Tổng công ty hoặc gửi *Giấy đăng ký dự họp* về địa chỉ dưới đây trước ngày 07/4/2023.

- Ủy quyền tham dự đại hội:**

Nếu Quý cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự đại hội, Quý cổ đông vui lòng điền vào *mẫu Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023* hoặc *văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự* và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây trước ngày 07/4/2023 hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự đại hội.

*(Lưu ý: Giấy ủy quyền phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và phải có số lượng cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì Giấy ủy quyền phải có dấu của tổ chức ủy quyền).*

- Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:**

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

- Địa chỉ: 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3837 0026 – Fax: (028) 38365898-38365899
- Liên hệ: Ông Lâm Duy Bình hoặc Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Ban Tổ chức Tổng công ty (Hotline: 0913458830 / 0916501516)

- Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:**

- Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền/văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự (nếu có);
- Giấy CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu hoặc bản sao hợp lệ Giấy CNĐKDN của tổ chức.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Huy Hưng



## TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Trụ sở chính: 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Giấy CNĐKDĐ số: 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/11/2021.

Điện thoại: (028) 3837 0026

Fax: (028) 38365898-38365899

Website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn)



### DANH MỤC HỒ SƠ

#### I. Chương trình đại hội (được gửi kèm theo Thông báo mời họp)

#### II. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
2. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2022;
3. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát;
4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng công ty đã được kiểm toán;
5. Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023;
6. Tờ trình phân phối lợi nhuận, mức cổ tức;
7. Tờ trình thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
8. Tờ trình phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; và giao Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán độc lập trong danh sách được phê duyệt;
9. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
10. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty;
11. Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty;
12. Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty;
13. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023;
14. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.

#### III. Tài liệu khác phục vụ Đại hội đồng cổ đông

1. Dự thảo Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
2. Dự thảo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2023-2028
3. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
4. Thẻ biểu quyết (mẫu)
5. Phiếu biểu quyết (mẫu)
6. Giấy ủy quyền (được gửi kèm theo Thông báo mời họp)



## TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Trụ sở chính: 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Giấy CNĐKDN số: 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/11/2021.

Điện thoại: (028) 38370026 Fax: (028) 38365898 - 38365899 Website: www.vinafood2.com.vn



### CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Bắt đầu lúc 13g00 ngày 09 tháng 4 năm 2023)

Thời gian	Nội dung
Trước 13g00	<b>Đón khách và kiểm tra tư cách đại biểu và cổ đông:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Đón tiếp đại biểu và cổ đông;</li><li>Kiểm tra tư cách đại biểu, phát thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và tài liệu Đại hội.</li></ul>
13g00 - 13g30 (30 phút)	<b>Khai mạc Đại hội:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;</li><li>Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa;</li><li>Thông qua Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử;</li><li>Chủ tọa giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tọa, Ban Kiểm tra tư cách đại biểu, Ban Kiểm phiếu;</li><li>Thông qua chương trình Đại hội.</li></ul>
13g30 - 14g00 (30 phút)	<b>Trình bày các báo cáo:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022;</li><li>Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2022;</li><li>Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.</li></ul>
14g00 - 14g55 (55 phút)	<b>Các tờ trình Đại hội:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng công ty đã được kiểm toán;</li><li>Tờ trình thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023;</li><li>Tờ trình thông qua phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023;</li><li>Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch năm 2023;</li><li>Tờ trình phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023;</li><li>Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;</li><li>Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty;</li><li>Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty;</li><li>Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty;</li><li>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023;</li><li>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023;</li><li>Tờ trình bầu Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028;</li><li>Tờ trình bầu Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2023 - 2028;</li><li>Nội dung khác (nếu có).</li></ul>
14g55 - 15g25 (30 phút)	Đại hội thảo luận
15g25 - 15g30 (05 phút)	Hướng dẫn biểu quyết và biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình
15g30 - 15g40 (10 phút)	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
15g40 - 15g55 (15 phút)	Hướng dẫn bầu cử và tiến hành bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2023 - 2028
15g55 - 16g10 (15 phút)	Nghỉ giải lao - Kiểm phiếu bầu cử
16g10 - 16g20 (10 phút)	Công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử
16g20 - 16g30 (10 phút)	Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
16g30	<b>Tuyên bố bế mạc Đại hội.</b>





# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: **TBC-ITMN-HĐQT**

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 3 năm 2023



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **Về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

### **I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022**

#### **1. Thành phần Hội đồng quản trị**

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty) là công ty đại chúng, tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc). Trong năm 2022, thành phần Hội đồng quản trị (HĐQT) như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Huy Hưng	Chủ tịch HĐQT	22/10/2021	
2	Bà Nguyễn Thị Hoài	Phó chủ tịch HĐQT Tổng giám đốc	11/9/2018	31/5/2022
3	Ông Nguyễn Ngọc Nam	Phó chủ tịch HĐQT	11/9/2018	31/5/2022
4	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	22/10/2021	
5	Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT	22/10/2021	

Tổng công ty là công ty đại chúng đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (hệ thống giao dịch Upcom), không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

## 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022

Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Theo phân công nhiệm vụ, các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty. Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tiến hành 35 cuộc họp Hội đồng quản trị, tổ chức 17 lượt lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, các buổi làm việc với Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, lãnh đạo các Chi nhánh/Đơn vị phụ thuộc, Người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty. Theo đó, Hội đồng quản trị đã ban hành 24 nghị quyết, 144 quyết định và các văn bản chỉ đạo thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để chỉ đạo và giám sát việc thực hiện đối với Ban Tổng giám đốc, Người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong toàn Tổng công ty.

Năm 2022, trong bối cảnh tình hình thế giới, trong nước diễn biến phức tạp hơn so với dự báo, tiềm ẩn nhiều rủi ro, áp lực lạm phát, giá cả hàng hóa, lương thực, thực phẩm, xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, xu hướng tăng lãi suất, đồng USD tăng giá ...; Trong khi đó, tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp, biến đổi khí hậu, thiên tai, bão lũ, thời tiết ngày càng cực đoan hơn đã tác động ảnh hưởng lớn đến kinh tế cả nước nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty nói riêng, cùng với tình hình tài chính của Tổng công ty rất khó khăn, các tồn tại chưa được xử lý sau cổ phần hóa, tạo sức ép rất lớn lên quản lý, điều hành của Tổng công ty. Tuy nhiên, được sự quan tâm chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu, sự ủng hộ của cổ đông chiến lược, sự quyết tâm của tập thể lãnh đạo và người lao động trong Tổng công ty đã giúp cho Hội đồng quản trị theo quyền hạn, trách nhiệm của mình chỉ đạo đối với Tổng công ty quyết liệt thực hiện đổi mới quản lý theo phương thức quản trị tập trung, sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức sản xuất, tìm các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

*Một là, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2022 của Tổng công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua:*

Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp, huy động mọi nguồn lực về con người, vốn, kho tàng, máy móc thiết bị để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kết quả SXKD năm 2022 của Tổng công ty với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Tổng sản lượng quy gạo bán ra năm 2022 là 1.153.749 tấn, đạt 128,89% kế hoạch năm, bằng 117,35% so với cùng kỳ.

- Tổng doanh thu năm 2022 là 17.717,101 tỷ đồng, đạt 112,73% kế hoạch năm, bằng 104,99% so với cùng kỳ. Trong đó doanh thu của Công ty mẹ là 10.263,111 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 57,93%/tổng doanh thu toàn Tổng công ty), đạt 120,45% kế hoạch năm 2022, bằng 131,92% so với cùng kỳ.

- Lợi nhuận năm 2022 lãi 91,344 tỷ đồng đạt 104,11% kế hoạch năm (năm 2021 lỗ 273,227 tỷ đồng). Trong đó, lợi nhuận Công ty mẹ lãi 2,322 tỷ đồng đạt 145,13% so với kế hoạch năm 2022 (năm 2021 lỗ 352,088 tỷ đồng).

*Hai là, về công tác quản trị doanh nghiệp:*

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo quyết liệt việc đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo mô hình quản lý tập trung, bao gồm: (i) Điều hành sản xuất kinh doanh tập trung, vận hành mọi mặt hoạt động theo hướng chỉ đạo thực hiện từ Tổng công ty xuống các đơn vị, trong đó tập trung thống nhất công tác thống kê, dự báo, quan hệ khách hàng, xúc tiến thương mại và hoạt động mua/bán; (ii) Công tác tài chính kế toán tập trung, trong đó thực hiện cân đối vốn, quản lý hạn mức tín dụng và dòng tiền tập trung, đảm bảo đủ vốn ổn định cho hoạt động SXKD và sử dụng vốn hiệu quả; (iii) Quản lý tài sản và đầu tư phát triển tập trung, trong đó rà soát toàn bộ tài sản, có phương án sử dụng, điều chuyển, khai thác hiệu quả tài sản hiện có và phương án đầu tư mới phục vụ sản xuất chế biến gạo chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường và phát triển sản xuất các sản phẩm sau gạo (bún, phở, bánh tráng, bột gạo...); (iv) Sắp xếp tinh gọn bộ máy tổ chức, nhân sự tại công ty mẹ, các chi nhánh, công ty con, tập trung phát triển các đơn vị, ngành nghề hiệu quả và có tiềm năng phát triển, sử dụng lao động phù hợp với vị trí việc làm, cùng với cơ chế trả lương theo hiệu quả công việc, tăng năng suất lao động và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; (v) Tích cực thu hồi các khoản nợ, thanh lý, nhượng bán tài sản đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn; (vi) Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ, toàn diện tại các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc, giám sát hoạt động các công ty con, công ty liên kết thông qua hệ thống người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã rà soát, ban hành các quy chế, quy định như: Quy chế quản lý hoạt động các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc Tổng công ty; Quy chế về dịch vụ hoa hồng môi giới thay thế quy chế tạm thời trước đây; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty; Quy định về cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm các Ban nghiệp vụ Tổng công ty; Quy chế thi đua, khen thưởng; Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tổng công ty; Quy chế trả lương, thù lao kiêm nhiệm đối với cán bộ,

*Handwritten signature*

309  
TỔ  
CƠ  
ƯỠN  
MI  
ÔNG  
V-T



người lao động và Quy định về hệ thống thang bảng lương áp dụng tại Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

*Ba là, về quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp:*

- Chỉ đạo đối với Người đại diện của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết biểu quyết, quyết định trong cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông của công ty đúng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty và quy định của Tổng công ty. Đồng thời có những chủ trương chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại các công ty thành viên và hiệu quả vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.

- Thực hiện thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang (AFIEX) theo đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục quy định.

- Chỉ đạo Người đại diện của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết xây dựng phương án cơ cấu lại vốn đầu tư của Tổng công ty tại doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa Tổng công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

*Bốn là, công tác khác:*

Cùng với kết quả đạt được trong 2022, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo thực hiện được những công việc quan trọng như: (i) Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 kể từ sau cổ phần hóa; (ii) Phương án sử dụng đất đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt; (iii) Hoàn tất hồ sơ quyết toán cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và đang được Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán; (iv) Hoàn thiện Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, đã trình cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, chấp thuận để trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

### **3. Về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc:**

- Hội đồng quản trị đã giám sát trực tiếp bằng hình thức tham dự các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết của Tổng công ty để chỉ đạo kịp thời việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị, đồng thời thực hiện giám sát thường xuyên thông qua chế độ báo cáo theo quy định. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị chỉ đạo thành lập các tổ kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra cho Hội đồng quản trị.

- Việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc theo đúng thẩm quyền, trách nhiệm, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Ban Tổng giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các Chi nhánh/Đơn vị phụ thuộc và có



những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế thấp nhất những rủi ro phát sinh.

#### **4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:**

- Trong năm 2022, hoạt động Tổng công ty gặp nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng giám đốc đã rất nỗ lực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các chủ trương từ Hội đồng quản trị, linh hoạt trước những diễn biến của tình hình thực tế phát sinh tại Tổng công ty. Sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn được thực hiện chặt chẽ, kịp thời để nắm bắt và xử lý hiệu quả những vấn đề phát sinh và các tình huống cấp thiết.

- Trong công tác điều hành hoạt động hàng ngày, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ, các quy chế, quy định của Tổng công ty; đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc vì mục đích chung đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty; đồng thời thực hiện báo cáo Hội đồng quản trị theo quy định.

#### **5. Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ:**

Ban Kiểm toán nội bộ được thành lập theo Quyết định số 17/2021/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 29/3/2021 của Hội đồng quản trị và hoạt động theo Quy chế kiểm toán nội bộ (được ban hành theo Quyết định số 19/2021/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 31/3/2021 của Hội đồng quản trị). Ngoài ra, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ thường xuyên phối hợp tham gia cùng với tổ kiểm tra của Tổng công ty thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đối với các đơn vị trong toàn Tổng công ty.

#### **6. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị: Không có.**

7. Về các giao dịch với các bên liên quan đã được Tổng công ty báo cáo trong Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2022 và công bố thông tin theo quy định. Trong đó, báo cáo không có phát sinh về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

8. Thù lao, tiền lương, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính của Tổng công ty được kiểm toán trình Đại hội đồng cổ đông. Chi tiết tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2022 được báo cáo tại Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tổng mức thù lao, thưởng và lợi

137  
: IG  
: G TY  
: TH  
: NAP  
: CPH  
HỒ C

*M*

ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023**

### **1. Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:**

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD năm 2023 trình Đại hội đồng cổ đông. Các chỉ tiêu chính về kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2023 như sau:

\* Công ty mẹ:

- Tổng doanh thu: 8.700.450 triệu đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 2.500 triệu đồng
- Các khoản nộp ngân sách nhà nước: Theo quy định
- Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023: 154.472 triệu đồng

\* Tổng hợp toàn Tổng công ty:

- Tổng doanh thu: 15.325.000 triệu đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 100.580 triệu đồng

### **2. Một số giải pháp thực hiện:**

Để thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2023, Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Tổng giám đốc quyết liệt thực hiện các công tác sau đây:

#### **2.1. Về công tác tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Tiếp tục thực hiện mô hình quản trị tập trung đã mang lại hiệu quả trong năm 2022. Trong đó, tổ chức sắp xếp, điều chuyển máy móc, thiết bị và khai thác triệt để lợi thế về cơ sở hạ tầng, thương hiệu và kinh nghiệm trong kinh doanh lúa gạo để phát huy nguồn lực toàn Tổng công ty mang lại hiệu quả.

- Sắp xếp lại tổ chức bộ máy; kiện toàn nhân sự lãnh đạo quản lý và người đại diện tham gia quản lý điều hành tại các công ty có vốn góp của Tổng công ty; bố trí, sử dụng lao động phù hợp, đặc biệt nhân sự kinh doanh xuất nhập khẩu có khả năng phát triển thị trường và phát triển hệ thống nhà cung ứng.

- Duy trì quan hệ với các khách hàng truyền thống; tăng cường công tác xúc tiến thương mại, mở rộng quan hệ khách hàng, thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt để phát triển thị trường mới, khách hàng mới.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất các sản phẩm sau gạo (bún, phở, bánh tráng, bột...) cùng với ứng dụng công nghệ sạch, phù hợp xu hướng phát triển kinh tế xanh, nâng cao giá trị sản phẩm, đạt tiêu chuẩn đáp ứng thị trường Châu Âu.

- Hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo gắn với việc ứng dụng công nghệ số để truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng tại các vùng lúa nguyên liệu đồng bằng sông Cửu Long.

## 2.2. Về tài chính

- Tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ tín dụng với các ngân hàng để tăng hạn mức tín dụng, đảm bảo nhu cầu nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, tăng vòng quay vốn để tăng hiệu quả sử dụng vốn và chủ động, linh hoạt sử dụng vốn trong điều kiện ngân hàng thắt chặt tín dụng.

- Đẩy nhanh việc thanh lý tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn, thoái vốn các khoản đầu tư theo Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp được phê duyệt để tập trung nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả.

- Tăng cường công tác thu hồi nợ, trước hết tập trung thu hồi các khoản nợ đã có quyết định, phán quyết của Tòa án.

## 2.3. Về công tác đầu tư phát triển

- Khẩn trương thực hiện rà soát đầu tư mới, điều chuyển, bổ sung máy móc thiết bị trong Tổng công ty nhằm nâng cao chất lượng chế biến, đáp ứng yêu cầu chế biến gạo chất lượng cao theo xu hướng thị trường hiện nay và tiết kiệm chi phí đầu tư.

- Chuyển đổi công năng một số cơ sở kho tàng, máy móc thiết bị tại các vùng nguyên liệu đặc thù để khai thác lợi thế vùng, sản xuất các sản phẩm chế biến sau gạo và các sản phẩm khác tạo giá trị gia tăng và hiệu quả cao.

2.4. Quyết liệt thực hiện chuyển đổi số theo Kế hoạch chuyển đổi số đã được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, thúc đẩy chuyển đổi số trong toàn Tổng công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh của Tổng công ty.

2.5. Đẩy mạnh tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí quản lý, chi phí bán hàng và chi phí khác để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.

2.6. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại các đơn vị phụ thuộc; giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động các chi nhánh, công ty con của Tổng công ty.

2.7. Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất theo quy định của pháp luật đối với các cơ sở nhà đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 161/QĐ-



*M*

UBQLV ngày 22/4/2022 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tiếp tục rà soát, thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với các cơ sở nhà, đất còn lại của Tổng công ty theo quy định.

2.8. Triển khai thực hiện theo Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TTK.

**Nguyễn Huy Hưng**





# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn



Số: BC-TMN-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và  
kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần;*

*Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.*

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (Tổng công ty) về kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc trong năm 2022 với các nội dung sau:

### A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

#### I. Tổng quan thị trường

##### 1. Tình hình gạo thế giới

Theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2022-2023 đạt mức 503,96 triệu tấn, giảm gần 2%, tương đương giảm gần 11,4 triệu tấn. Trong đó, sản lượng tại các nước xuất khẩu lớn giảm đáng kể đó là: Ấn Độ từ 130,29 triệu tấn xuống còn 124 triệu tấn; Pakistan giảm từ 9,1 triệu tấn xuống còn 6,6 triệu tấn so với niên vụ 2021-2022, sản lượng được dự báo này ở mức thấp nhất trong 04 năm gần đây.

Mức tiêu thụ gạo toàn cầu khoảng 516,1 triệu tấn giảm hơn 0,5 triệu tấn so với năm 2022. Thương mại gạo toàn cầu năm 2023 dự báo đạt mức 56,425 triệu tấn, tương đương so với năm 2022. Tồn kho toàn cầu dự báo giảm xuống còn 170 triệu tấn, giảm trên 13 triệu tấn so với niên vụ 2022 là năm giảm thứ hai liên tiếp, Trung Quốc và Ấn Độ chiếm phần lớn sự sụt giảm tồn kho gạo toàn cầu trong niên vụ 2022-2023.

Các nước xuất khẩu gạo chính: USDA cho rằng sự sụt giảm của Ấn Độ sẽ được bù đắp phần nào bởi sự gia tăng tại Thái Lan và Việt Nam. Theo đó, xuất khẩu của Thái Lan tăng từ 6,1 triệu tấn năm 2021 lên 7,9 triệu tấn năm 2022 và 8,5 triệu tấn năm 2023; xuất khẩu của Việt Nam cũng được dự báo tăng từ 6,3 triệu tấn của năm

2021 lên 7,2 triệu tấn năm 2022 và 7,4 triệu tấn năm 2023.

Về nhập khẩu, dự báo Trung Quốc vẫn là nước nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới với mức 5,2 triệu tấn, Philippines 3,6 triệu tấn, Châu Âu (EU) 2,65 triệu tấn, Nigeria 2,2 triệu tấn, Iraq 1,6 triệu tấn, Bờ biển Ngà 1,5 triệu tấn và Malaysia 1,2 triệu tấn.

## 2. Tình hình trong nước

Theo Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2022 của Tổng cục Thống kê, diện tích lúa cả năm 2022 đạt 7,1 triệu héc-ta, giảm 127,7 nghìn héc-ta so với năm trước; năng suất ước đạt 60,2 tạ/ha, giảm 0,6 tạ/ha; sản lượng lúa đạt 42,66 triệu tấn, giảm 1,19 triệu tấn, trong đó diện tích gico trồng năm 2022 tại vùng đồng bằng sông Cửu Long đạt gần 3,9 triệu héc-ta, với năng suất bình quân là 6,2 tấn/ha, sản lượng ước đạt 24.129 triệu tấn, tương đương so với cùng kỳ các năm trước. Mặc dù diện tích tổng thể gico trồng lúa năm 2022 ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long có giảm để chuyển sang canh tác các loại cây trồng khác, tuy nhiên, năng suất lại gia tăng.

Sản lượng sản xuất tập trung cho các giống lúa năng suất cao và phục vụ xuất khẩu, trong đó chủ yếu là giống DT8, OM18 và OM5451.

Xuất khẩu gạo trong năm 2022 của Việt Nam đạt gần 7,2 triệu tấn đứng thứ 3 thế giới sau Ấn Độ và Thái Lan, chiếm 12,76% thương mại gạo toàn cầu, thu về khoảng 3,5 tỷ USD. Thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam là Philipines chiếm 45% tổng lượng, tiếp theo là Trung Quốc (12%) và Bờ Biển Ngà (9,2%).

## II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính năm 2022

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-VSI-DIHCĐ ngày 31/5/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty cụ thể như sau:

### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

#### 1.1. Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ
1	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>7.779.636.985.996</b>	<b>10.263.110.928.004</b>	<b>32%</b>
	- Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ	7.676.859.932.284	10.048.368.900.934	31%
	- Doanh thu tài chính	88.142.921.472	191.415.229.277	117%
	- Thu nhập khác	14.634.132.240	23.326.797.793	59%
2	<b>Tổng chi phí</b>	<b>8.131.725.009.971</b>	<b>10.260.789.306.795</b>	<b>26%</b>
	- Giá vốn hàng hàng	7.440.437.286.389	9.413.313.240.675	27%
	- Chi phí tài chính	128.995.993.197	210.649.646.908	63%
	- Chi phí bán hàng	323.094.461.734	411.607.435.040	27%
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	189.335.611.605	220.620.549.903	17%
	- Chi phí khác	49.861.657.046	4.598.434.269	-91%
3	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(352.088.023.975)</b>	<b>2.321.621.209</b>	
4	Thuế TNDN hiện hành	0	0	
5	Thuế thu nhập được hoãn lại	0	0	
6	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(352.088.023.975)</b>	<b>2.321.621.209</b>	

## 1.2. Sản lượng thực hiện của Công ty mẹ

Stt	Diễn giải	Đvt	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	% so	
						KH	CK
<b>I</b>	<b>Mua vào</b>						
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	523.000	566.953	736.770	140,87%	129,95%
2	Lúa mì	Tấn	50.000	36.186	38.780	77,56%	107,17%
3	Xăng dầu	Ngàn lít	3.000	2.416	3.197	106,57%	132,33%
4	Xe honda	Chiếc	6.450	5.126	7.406	114,82%	144,48%
<b>II</b>	<b>Bán ra</b>						
1	Gạo (a + b)	Tấn	<b>523.000</b>	<b>459.078</b>	<b>709.266</b>	<b>135,61%</b>	<b>154,50%</b>
	a. Xuất khẩu TT	Tấn	365.000	330.661	524.733	143,76%	158,69%
	b. Tiêu thụ nội địa	Tấn	158.000	128.417	184.533	116,79%	143,70%
2	Bột mì	Tấn	36.000	23.640	20.694	57,48%	87,54%
3	Thực phẩm chế biến	Tấn	1.200	925	802	66,83%	86,70%
4	Bao bì	Ngàn cái		2.146			
5	Nước khoáng	Ngàn lít	15.000	13.947	12.159	81,06%	87,18%
6	Xăng, dầu	Ngàn lít	3.000	2.416	3.179	105,97%	131,58%
7	Xe honda	Chiếc	6.450	4.952	6.951	107,77%	140,37%
<b>III</b>	<b>Kim ngạch XNK</b>						
	- Xuất khẩu	1000USD	168.538	166.395	240.009	142,41%	144,24%
	- Nhập khẩu	1000USD	15.760	8.334	9.597	60,89%	115,15%
<b>IV</b>	<b>Doanh thu</b>	Tỷ đồng	<b>8.520,56</b>	<b>7.779,64</b>	<b>10.263,11</b>	<b>120,45%</b>	<b>131,92%</b>
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tỷ đồng	<b>1,6</b>	<b>-352,09</b>	<b>2,321</b>	<b>145,06%</b>	
<b>VI</b>	<b>Nộp ngân sách</b>	Tỷ đồng		<b>59,257</b>	<b>55,356</b>		

## 1.3. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
<b>Đánh giá về hiệu quả hoạt động</b>		
ROE (L/N sau thuế/ VCSH)	(0,050)	0,0004
ROS (Tỷ suất L/N/D.thu)	-4,586%	0,023%
Doanh thu thuần	7.676.859.932.284	10.048.368.900.934
% thay đổi doanh thu	(0,232)	0,309
Tỷ lệ giá vốn (%)	96,920	93,680
Tỷ lệ lợi nhuận gộp (%)	3,080	6,320
Tỷ lệ chi phí bán hàng quản lý (%)	6,675	6,292
<b>Chỉ số về hiệu quả quản lý tài sản</b>		
ATO (Tỷ lệ tài sản / Doanh thu)	0,605	0,661
Tổng tài sản	4.644.567.222.642	6.641.799.468.992
Tài sản cố định	1.726.747.918.324	1.630.564.796.398
Vốn lưu động ròng	(101.790.241.923)	75.043.374.536
Tình trạng chiếm dụng vốn	(549.557.324.583)	(621.727.039.984)
Số ngày các khoản phải thu	19,28	40,10



Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Số ngày hàng tồn kho	35,50	28,13
Số ngày các khoản phải trả	7,08	32,05
<b>Chu kỳ kinh doanh</b>	<b>54,77</b>	<b>68,22</b>
<b>Chỉ số về thanh toán và hiệu quả quản lý nợ</b>		
ALEV (Tổng TS/ VCSH)	1,800	2,572
Chỉ tiêu thanh toán hiện thời	0,931	1,022
Chỉ tiêu thanh toán nhanh	0,124	0,257
Chỉ tiêu thanh toán ngắn hạn	2,250	1,636
Tỷ lệ đòn bẩy(Tổng nợ/Tổng tài sản)	0,444	0,611
Tỷ lệ vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,556	0,389
Tỷ lệ Vay ngắn hạn/Tổng tài sản	0,233	0,255
Tỷ lệ vay dài hạn/Tổng tài sản	0,001	0,001
(Vay dài hạn + Vốn CSII)/ TSCD	1,498	1,586

#### 1.4. Đánh giá kết quả thực hiện

a) Về chỉ tiêu mặt hàng chính mua vào: Sản lượng quy gạo mua vào thực hiện năm 2022 là 736.770 tấn đạt 140,87% kế hoạch năm, bằng 129,95% so với cùng kỳ.

b) Về chỉ tiêu mặt hàng chính bán ra: Sản lượng quy gạo bán ra thực hiện năm 2022 là 709.266 tấn đạt 135,61% so kế hoạch năm, bằng 154,50% so với cùng kỳ.

c) Về kim ngạch xuất khẩu: Thực hiện 240,009 triệu USD đạt 142,41% so kế hoạch năm, bằng 144,24% so với cùng kỳ.

d) Về doanh thu: Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 là 10.263,11 tỷ đồng đạt 120,45% kế hoạch năm, bằng 131,92% so với cùng kỳ.

d) Về lợi nhuận trước thuế: lãi 2,321 tỷ đồng đạt 145,06% kế hoạch năm (năm 2021 lỗ 352,088 tỷ đồng).

Như vậy, năm 2022 Tổng công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch 2022 do ĐHQCD thường niên năm 2022 giao, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt cao so với kế hoạch. Hệ số bảo toàn vốn năm 2022 bằng một (1), cũng là năm đầu tiên Tổng công ty có lãi và bảo toàn được vốn sau khi cổ phần hóa.

#### 2. Đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty với người quản lý và người có liên quan

Theo quy định hiện hành về việc công bố thông tin tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, các giao dịch giữa Tổng công ty và người có liên quan của Tổng công ty, giữa Tổng công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ đã được HĐQT thống kê và báo cáo đầy đủ trên Báo cáo tình hình quản trị năm 2022.

Ngày 17/02/2022, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-LTMN-HĐQT về việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với công ty con, theo đó giao Ban Tổng giám đốc quyết định thực hiện đối với hợp đồng mua bán, dịch vụ, gia công, hợp tác có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất.



### III. Đánh giá chung

#### 1. Những việc đã làm được

Được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ tạo điều kiện kịp thời từ Đảng ủy Khối và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, cổ đông chiến lược và các cổ đông khác, Tổng công ty đã kiện toàn bộ máy nhân sự lãnh đạo cấp cao, đặc biệt chức danh người đứng đầu là Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch HĐQT và cũng là người đại diện pháp luật của doanh nghiệp tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tập trung sức mạnh tập thể tìm giải pháp, hướng đi mới cho Tổng công ty và thực hiện được một số công việc trọng tâm như sau:

a) *Về công tác Đảng:* Đảng ủy Tổng công ty đã kiện toàn Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng công ty Lương thực miền Nam nhiệm kỳ 2020-2025, Phó Bí thư, Ban Thường vụ Đảng ủy và Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025.

b) *Về công tác tổ chức, nhân sự:*

- Thay đổi mô hình quản trị doanh nghiệp từ phân tán sang mô hình quản trị tập trung: tập trung về kinh doanh, dòng tiền, tài chính, đầu tư, sản xuất và tăng cường công tác quản lý khai thác tài sản, theo đó, hoạt động kinh doanh được tập trung về một đầu mối để quản trị, điều hành. Nhờ vậy, Tổng công ty đã có thể quản lý chặt chẽ, kịp thời mọi hoạt động, quản trị tốt dòng tiền, đầu tư kịp thời các hạng mục cấp thiết và thực hiện tốt việc hợp tác kinh doanh, phát huy nguồn lực toàn Tổng công ty và tăng hiệu quả đáng kể trong mọi hoạt động giúp cho Tổng công ty có lãi sau nhiều năm thua lỗ.

- Thực hiện tái cơ cấu toàn Tổng công ty, sắp xếp tinh gọn bộ máy tổ chức, kiện toàn các chức danh quản lý từ công ty mẹ đến các chi nhánh, công ty con; tập trung phát triển các đơn vị, ngành nghề hiệu quả và còn tiềm năng phát triển; nâng cao phương thức quản trị, sử dụng lao động phù hợp với vị trí việc làm để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả doanh nghiệp; quan tâm nhiều hơn trong công tác quản lý, chỉ đạo người đại diện để nâng cao hiệu quả quản lý điều hành tại các công ty có vốn góp của Tổng công ty.

- Hoàn thiện công tác quy hoạch cán bộ quản lý, quy hoạch cấp ủy trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

c) *Về công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:*

- Thực hiện công tác dự báo, theo dõi diễn tiến vụ mùa để tính toán thời điểm mua, sản lượng, chủng loại và giá mua phù hợp.

- Theo dõi diễn biến của đồng USD và nội tệ của các nước xuất khẩu/nhập khẩu gạo, lúa mì; chính sách xuất khẩu/nhập khẩu gạo của các nước nhất là 3 nước Ấn Độ, Philippines, Trung Quốc.

- Nghiêm túc thực hiện theo mô hình quản trị tập trung, vận hành mọi mặt hoạt động theo hướng chỉ đạo thực hiện từ Tổng công ty xuống đơn vị.

- Theo sát kế hoạch sản xuất kinh doanh từng phân kỳ (tháng) để triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đề ra.

- Tổng hợp báo cáo thống kê kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Cơ quan Văn phòng Tổng công ty, 14 đơn vị phụ thuộc và các công ty cổ phần có vốn góp Tổng công ty chi phối, từ đó có định hướng, chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác kinh doanh mặt hàng gạo và các ngành hàng ngoài gạo.

*d) Về công tác tài chính kế toán:*

- Thường xuyên thực hiện cân đối, đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Thực hiện quản trị kế toán tập trung, rà soát và triển khai thực hiện công tác hoàn thuế giá trị gia tăng tập trung tại Cơ quan văn phòng Tổng công ty.

- Nâng cấp phần mềm để tăng cường quản trị kế toán tập trung dự kiến đưa vào sử dụng trong năm 2023.

*đ) Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản:*

- Thực hiện rà soát, đánh giá hiện trạng tài sản và đề xuất thanh lý tài sản không cần dùng tại các đơn vị phụ thuộc và tìm giải pháp hợp tác khai thác sử dụng tài sản để có nguồn thu bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh.

- Sắp xếp lại dây chuyền sản xuất tại các đơn vị phụ thuộc để tối ưu hiệu quả hoạt động, điều chuyển máy móc thiết bị giữa các đơn vị để tiết kiệm tối đa chi phí đầu tư.

*e) Về phương án sử dụng đất:* đã được Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước phê duyệt tại Quyết định số 161/QĐ-UBIQV ngày 22/04/2022 về việc giữ lại tiếp tục sử dụng đối với nhà, đất của Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty CP (Doanh nghiệp cấp I), Tổng công ty đang thực hiện ký hợp đồng thuê đất và xác lập quyền sở hữu để hoàn tất pháp lý chuyển tên sang Công ty cổ phần.

*f) Về công tác chuyển đổi, thoái vốn:*

- Đã xây dựng Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 và được Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty, Hội đồng quản trị Tổng công ty thống nhất trình cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Quyết định số 360/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Thoái vốn được một phần vốn đầu tư của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch thu hồi vốn đầu tư để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng công ty.

*g) Về công tác quyết toán bàn giao vốn:*

- Tổng công ty đã hoàn thành hồ sơ quyết toán cổ phần hóa và đã có tờ trình số 1721/TTr-LTMN-TGV ngày 20/7/2022 báo cáo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước.

- Kiểm toán nhà nước đã thực hiện xong công tác kiểm toán quyết toán cổ phần hóa. Tổng công ty đang thực hiện các bước cuối cùng để hoàn thiện công tác quyết toán cổ phần hóa.

*h) Ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số:*

Thực hiện chủ trương, lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về chuyển đổi số, Ban Thường vụ Đảng ủy và Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành nghị quyết, kế hoạch về chuyển đổi số và bước đầu triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ số vào một số lĩnh vực.

## **2. Những việc chưa làm được**

- Chưa hoàn thành thủ tục pháp lý chuyển giao sang Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần đối với những cơ sở nhà, đất theo Quyết định số 161/QĐ-UBLQV ngày 22/04/2022 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Tiến độ đầu tư những máy móc thiết bị cấp thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất chế biến tại một số chi nhánh chưa kịp thời, chỉ đạt 17% kế hoạch năm 2022.

- Việc thực hiện thanh lý, xử lý tài sản không cần dùng, không có nhu cầu sử dụng còn chậm.

- Một số đơn vị phụ thuộc kinh doanh vẫn còn chưa hiệu quả, sản lượng mua vào khá thấp so với kế hoạch được giao, chưa khai thác tốt nguồn lực Tổng công ty giao quản lý và sử dụng.

- Tổng số nợ còn tồn đọng đến thời điểm 31/12/2022 là 1.341,847 tỷ đồng (Tổng công ty đã trích lập dự phòng đủ 100%). Các vụ án liên quan đến các khoản nợ lớn như vụ án Võ Thị Thu Hà, vụ án Thịnh Phát Kon Tum,... chưa được giải quyết dứt điểm dẫn đến chưa thu được nợ và một số vụ việc còn tiềm ẩn có khả năng phát sinh trong thời gian tới.

## **B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC.**

### **1. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong quản lý điều hành:**

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc của Tổng công ty đã tổ chức, thực hiện đầy đủ quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy định liên quan của Pháp luật.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường, lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, ban hành các Nghị quyết, quyết định và thảo luận các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, với tinh thần trách nhiệm cao Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đều có sự phân công, phân nhiệm cụ thể, có đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết.

Ban hành các quy chế quy định nội bộ: Tại thời điểm báo cáo Ban kiểm soát ghi nhận các Quy chế, quy định trong điều hành đang trong giai đoạn xây dựng, sửa đổi, bổ sung.

### **2. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty**

373  
G  
TV  
THU  
HAN  
CỘ PH  
10 C

W



Các tài liệu, tờ trình Hội đồng quản trị, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều được cung cấp cho BKS cùng thời điểm theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Được Ban điều hành cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong quý, năm và các thông tin tài liệu khác khi có yêu cầu.

Ban kiểm soát được mời tham gia kết hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành làm việc, kiểm tra hoạt động của một số đơn vị trực thuộc, công ty con.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát trên tinh thần hỗ trợ hợp tác đã phối hợp kịp thời trong những trường hợp cần thiết để hoạt động Tổng công ty vừa được tiến hành đúng quy định của pháp luật vừa đáp ứng được yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

### **C. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ**

#### **1. Nhận xét:**

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã thực hiện và tuân thủ đúng Điều lệ của Tổng công ty và quy định của pháp luật. Từng bước ổn định về mặt cơ cấu tổ chức, nhân sự để đưa Tổng công ty đi vào hoạt động ổn định. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã có lãi, hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Tổng công ty công bố thông tin đúng thời hạn quy định về công bố thông tin của Bộ Tài chính. Ủy ban chứng khoán đã dỡ bỏ hạn chế giao dịch đối với cổ phiếu của Tổng công ty.

- Ban kiểm soát thống nhất với kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2022.

#### **2. Kiến nghị:**

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành cần tiếp tục nâng cao vai trò quản trị, đề ra các mục tiêu, thực hiện các hành động, biện pháp quyết liệt để duy trì kết quả kinh doanh của Tổng công ty có lãi trong năm 2023 và hướng tới phát triển bền vững trong nhiệm kỳ mới.

- Tổng công ty cần tiếp tục duy trì, củng cố mối quan hệ tốt với các khách hàng truyền thống của thị trường tập trung và thị trường thương mại đồng thời xác định thị trường Châu Âu là thị trường tiềm năng.

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, mở rộng quan hệ khách hàng, tìm hiểu nhu cầu của khách hàng, có chính sách bán hàng linh hoạt phù hợp với từng đặc điểm của thị trường, của từng khách hàng để phát triển thị trường mới, khách hàng mới.

- Công tác quản lý điều hành các mặt hàng ngoài gạo như bột mì, thực phẩm chế biến, cá cơm, xăng dầu, xe honda, bao bì, nước khoáng, dịch vụ cảng logistics,... cần được quan tâm, tập trung nhiều hơn nhằm nâng cao doanh thu và hiệu quả.

- Chuyển đổi công năng một số cơ sở có kho tàng, máy móc thiết bị tại các vùng nguyên liệu đặc thù để khai thác lợi thế vùng sản xuất các sản phẩm chế biến sau gạo và các sản phẩm khác tạo giá trị gia tăng và hiệu quả cao.



- Hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo gắn với việc truy xuất, mã số vùng trồng, đồng nhất áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật sản xuất an toàn bền vững và ổn định vùng nguyên liệu; thúc đẩy việc tiêu thụ lúa gạo cho người trồng lúa bằng nền tảng số, tích hợp giá trị, tạo thuận lợi cho nông dân, hợp tác xã, người tiêu dùng và góp phần tăng giá trị lúa gạo vùng đồng bằng sông Cửu Long; đồng thời nâng cao chất lượng gạo Việt Nam và thương hiệu Vinafood II, nâng cao sức cạnh tranh của Tổng công ty vào thị trường xuất khẩu có giá trị cao đem lại hiệu quả kinh doanh.

- Công tác đầu tư, nâng cấp, sửa chữa dây chuyền, máy móc thiết bị cần được triển khai nhanh và kịp thời. Tinh gọn thủ tục hành chính, mở rộng phân quyền, phân cấp trong đầu tư. Phân đấu hoàn thành tỷ lệ thực hiện đầu tư theo kế hoạch của năm 2023.

- Tập trung công tác phân loại, đối chiếu công nợ; trên cơ sở đó đề ra giải pháp để thu hồi nợ. Đề nghị thi hành án các vụ án hình sự, vụ án dân sự xảy ra tại các đơn vị phụ thuộc có tài sản đảm bảo.

Trên đây là Báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong năm 2022, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Tuấn Vinh**





# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn



Số BC-TTMN-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

## BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty);*

*Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty;*

*Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần;*

*Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;*

*Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.*

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS trong năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác của BKS năm 2023 với các nội dung sau:

### I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

#### 1. Các công tác đã thực hiện:

Ban kiểm soát Tổng công ty gồm 03 thành viên, các thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm trong năm và tại ngày lập Báo cáo như sau:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29/02/2020	Cử nhân kinh tế
2	Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/9/2018	Thạc sỹ QTKD
3	Ông Trần Vĩnh Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/02/2020 (Miễn nhiệm ngày 31/5/2022)	Thạc sỹ kinh tế
	Bà Trần Thị Đoàn Thu		Bổ nhiệm ngày 31/5/2022	Cử nhân Ngoại Thương; Cử nhân Kế toán



Trong năm 2022 Ban kiểm soát đã thực hiện được một số công việc như sau:

Các hoạt động thường kỳ của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế, quy định của Tổng công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

- Giám sát việc triển khai thực hiện và kết quả thực hiện của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong năm 2022.
- Thẩm định Báo cáo tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị phụ thuộc. Rà soát các báo cáo soát xét bán niên, báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của đơn vị kiểm toán.
- Tham gia ý kiến trong việc xây dựng lại các Quy chế, Quy định của Tổng công ty phù hợp với mô hình hoạt động của công ty cổ phần.
- Thực hiện và kết hợp thực hiện kiểm tra hoạt động một số đơn vị phụ thuộc Tổng công ty.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

## 2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tổ chức 06 cuộc họp trong năm 2022. Cụ thể như sau:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Tuấn Vinh	06	100%	100%	
2	Ông Nguyễn Như Khoa	06	100%	100%	
3	Ông Trần Vĩnh Thanh	03	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 31/05/2022
	Bà Trần Thị Đoàn Thu	03			Bổ nhiệm ngày 31/05/2022

## 3. Báo cáo chi phí thù lao của Ban kiểm soát Tổng công ty:

Tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật.

## II. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2023

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền nam – Công ty cổ phần và các quy định nội bộ của Tổng công ty, Ban kiểm soát xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác của Ban kiểm soát trong năm 2023 như sau:

- Giám sát việc chấp hành, tuân thủ theo Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật có liên quan.



- Giám sát công tác quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.
- Tham mưu Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp.
- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm.
- Hợp Ban kiểm soát định kỳ hàng quý đề sơ kết công tác và đề ra kế hoạch của quý tiếp theo.
- Lập báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ban kiểm soát hàng quý.
- Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị về những vi phạm của người quản lý, điều hành: yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều lệ, quy chế, quy định của Tổng công ty.
- Thực hiện giám sát tài chính của Tổng công ty, hoạt động của các Ban thuộc Tổng công ty, một số đơn vị trực thuộc, các công ty con thông qua người đại diện vốn. Thực hiện công tác kiểm soát theo chuyên đề, kiểm soát, kiểm tra đột xuất, bất thường, kiểm soát các sự vụ phát sinh.

Trên đây là Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2023, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Tuấn Vinh**





**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn)

Số: **17/LTMN-HĐQT** TP. Hồ Chí Minh, ngày **tháng 3 năm 2023**



**TỜ TRÌNH**

**V/v thông qua Báo cáo tài chính riêng và  
Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

*Căn cứ Điều 15 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty), quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên về việc thông qua Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (Tổng công ty) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Toàn văn Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Tổng công ty đã được công bố thông tin và đăng tải trên Website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn). Bao gồm:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập.
2. Bảng cân đối kế toán.
3. Báo cáo kết quả kinh doanh.
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trong đó, ý kiến báo cáo kiểm toán độc lập có trình bày nội dung sau:

- Ý kiến báo cáo kiểm toán độc lập đối với Báo cáo tài chính riêng:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

- Ý kiến báo cáo kiểm toán độc lập đối với Báo cáo tài chính hợp nhất:

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Tổng Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang - một Công ty con theo giá gốc với giá trị tại ngày 31/12/2022 là 28.771.200.000 VND và khoản đầu tư này đã được dự phòng tổn thất toàn bộ. Công ty con này đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 và đang trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản theo Quyết định Tuyên bố Phá sản số 01/2020/QĐ-PS ngày 22/9/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Hậu Giang. Tuy nhiên, kiểm toán viên tiền nhiệm đã không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các thông tin tài chính cần thiết của Công ty con này tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Theo đó, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề này và các điều chỉnh có thể có trong trường hợp Công ty con này được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các thông tin tài chính cần thiết của Công ty con này tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu liên quan hay không.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.”

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TCKT.

**Nguyễn Huy Hưng**





# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: **TT-LTMN-HĐQT**

TP. Hồ Chí Minh, ngày **tháng 3 năm 2023**



## TỜ TRÌNH

**V/v kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 (Tờ trình số 3009/TTr-LTMN-KHTH ngày 22/11/2022 của Tổng giám đốc), Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (Tổng công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:

### I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

#### 1. Công ty mẹ

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	% KH so năm 2022
<b>I</b>	<b>Mua vào</b>				
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	536.770	525.000	97,81
2	Lúa mì	Tấn	38.780	50.000	128,93
3	Xăng, dầu	Ngàn lít	3.197	3.100	96,97
4	Xe honda	Chiếc	7.406	6.800	91,82
<b>II</b>	<b>Bán ra</b>				
1	Gạo (a + b)	Tấn	509.266	525.000	103,09
	a. Xuất khẩu	Tấn	324.733	359.000	110,55
	b. Tiêu thụ nội địa	Tấn	184.533	166.000	89,96
2	Bột mì	Tấn	20.694	30.000	144,97
3	Thực phẩm chế biến	Tấn	802	1.200	149,63
4	Nước khoáng	Ngàn lít	12.159	15.500	127,48
5	Xăng, dầu	Ngàn lít	3.179	3.100	97,51
6	Xe honda	Chiếc	6.951	6.800	97,83
<b>III</b>	<b>Kim ngạch XNK</b>	1000USD			
	- Xuất khẩu	1000USD	150.809	163.309	108,29
	- Nhập khẩu	1000USD	9.597	19.425	202,41
<b>IV</b>	<b>Doanh thu</b>	Tỷ đồng	7.793,571	8.700,450	111,64
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận (trước thuế)</b>	Tỷ đồng	2,322	2,500	107,67
<b>VI</b>	<b>Nộp ngân sách</b>	Tỷ đồng	64,322	Theo QĐ	

## 2. Tổng hợp toàn Tổng công ty

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	% KH so năm 2022
1	Doanh thu	Tỷ đồng	15.247,561	15.325,000	100,51
2	Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	91,344	100,580	110,11

## II. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023

Trong năm 2023, tập trung các hạng mục đang thực hiện dở dang của năm 2022; các hạng mục nâng cấp sửa chữa dây chuyền máy; sắp xếp, điều chuyển và bổ sung hoàn thiện máy móc, thiết bị để khai thác tối đa hiệu quả tài sản của các đơn vị trong Tổng công ty, phục vụ cho sản xuất kinh doanh, nhất là sản phẩm chất lượng cao đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 (Công ty mẹ): 154,472 tỷ đồng. Trong đó: đầu tư mới trong năm 2023 là 118,937 tỷ đồng và các hạng mục năm 2022 chuyển sang là 35,535 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. /

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, KHTH.

**Nguyễn Huy Hưng**



# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn



Số: TTr-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 3 năm 2023

## TỜ TRÌNH

**V/v phân phối lợi nhuận năm 2022 và  
kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty mẹ**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần như sau:

### **1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:**

Lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính của Công ty mẹ lãi: 2,321 tỷ đồng.

Trong năm 2022, Công ty mẹ tuy hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận nhưng còn số lỗ lũy kế đến thời điểm 31/12/2022 là 2.649,419 tỷ đồng nên đề xuất không trích lập các quỹ và chia cổ tức.

### **2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023:**

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ lãi: 2,5 tỷ đồng.

Kế hoạch phân phối lợi nhuận đề xuất như sau: Công ty mẹ còn lỗ lũy kế đến thời điểm 31/12/2022 là 2.649,419 tỷ đồng nên sẽ không trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./ *Lưu*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TCKT.

**Nguyễn Huy Hưng**





# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số:



TT-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

## TỜ TRÌNH

V/v thông qua tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS  
năm 2022 và kế hoạch năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ về việc quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-VSF-ĐHĐCĐ ngày 31/5/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Tiền lương người quản lý chuyên trách và thù lao người quản lý không chuyên trách năm 2022:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và các quy định của Nhà nước, Tổng công ty trích quỹ tiền lương và thù lao thực hiện của người quản lý năm 2022 là 2.843,43 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Tiền lương người quản lý chuyên trách (7,08 người, tính theo tỷ lệ số tháng đảm nhiệm công việc trong năm): 2.616,43 triệu đồng. Trong đó:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị	: 36.000.000 đồng/người/tháng
+ Phó Chủ tịch HĐQT	: 28.000.000 đồng/người/tháng
+ Tổng giám đốc	: 32.000.000 đồng/người/tháng
+ Phó Tổng giám đốc	: 28.000.000 đồng/người/tháng
+ Kế toán trưởng	: 25.600.000 đồng/người/tháng
+ Trưởng ban kiểm soát	: 25.600.000 đồng/người/tháng
+ Thành viên BKS chuyên trách	: 20.200.000 đồng/người/tháng

- Thù lao người quản lý không chuyên trách (3 người): 227 triệu đồng.

Trong đó:

+ Thành viên HĐQT (1,42 người, tính theo tỷ lệ số tháng đảm nhiệm công việc trong năm): 10.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thành viên BKS (1,58 người, tính theo tỷ lệ số tháng đảm nhiệm công việc trong năm): 3.000.000 đồng/người/tháng.

**2. Tiền lương người quản lý chuyên trách và thù lao người quản lý không chuyên trách năm 2023:**

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2023 và các quy định hiện hành, Tổng công ty xây dựng quỹ tiền lương và thù lao kế hoạch năm 2023 đối với người quản lý là 4.499,29 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Mức tiền lương người quản lý chuyên trách:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị	:	38.376.000 đồng/người/tháng
+ Phó Chủ tịch HĐQT	:	34.304.000 đồng/người/tháng
+ Thành viên HĐQT	:	34.304.000 đồng/người/tháng
+ Tổng giám đốc	:	36.738.000 đồng/người/tháng
+ Phó Tổng giám đốc	:	34.304.000 đồng/người/tháng
+ Kế toán trưởng	:	32.760.000 đồng/người/tháng
+ Trưởng ban kiểm soát	:	35.240.000 đồng/người/tháng

Tổng quỹ tiền lương người quản lý chuyên trách kế hoạch năm 2023 là 4.187,29 triệu đồng (tương ứng với 10 người).

- Mức thù lao người quản lý không chuyên trách:

+ Thành viên HĐQT	:	10.000.000 đồng/người/tháng
+ Thành viên BKS	:	3.000.000 đồng/người/tháng

Tổng quỹ thù lao người quản lý không chuyên trách kế hoạch năm 2023 là 312 triệu đồng (tương ứng với 4 người: 2 thành viên HĐQT, 2 thành viên BKS).

Căn cứ vào quỹ lương và tổng mức thù lao kế hoạch, Tổng công ty tính toán mức lương phù hợp, tạm ứng tiền lương hàng tháng cho người quản lý chuyên trách; tạm ứng thù lao hàng tháng không vượt mức kế hoạch như trên.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh cuối năm và các quy định có liên quan, Tổng công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quỹ lương và tổng mức thù lao thực hiện để quyết toán và chi trả cho các chức danh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TC.

**Nguyễn Huy Hưng**



## TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn



TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

### TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập  
và lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng Công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua việc lựa chọn danh sách các công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty như sau:

1. Các tiêu chí, hình thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Lựa chọn các công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam;
- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín và chất lượng kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

2. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần, bao gồm các công ty kiểm toán như sau:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam

3. Giao Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách 04 công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện soát xét báo cáo tài



chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Tuấn Vinh**



# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn



Số: TTTr-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

## TỜ TRÌNH

V/v điều chỉnh, sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty  
(bao gồm bổ sung ngành nghề kinh doanh)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty).*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh, sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty (bao gồm bổ sung ngành nghề kinh doanh), cụ thể như sau:

### 1. Bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh:

- Bổ sung hai mã ngành:

+ Bán buôn tổng hợp (Mã ngành 4690);

+ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (Mã ngành 4649).

- Điều chỉnh, bổ sung chi tiết mã ngành 5210:

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Cho thuê kho bãi; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.

## **2. Điều chỉnh và sửa đổi Điều lệ:**

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty được điều chỉnh và sửa đổi dựa trên các quy định của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, Điều 7 của Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính. Nội dung điều chỉnh, sửa đổi được liệt kê chi tiết tại Bảng tổng hợp các nội dung sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

**3. Giao cho Hội đồng quản trị thực hiện điều chỉnh Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và thực hiện các thủ tục bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh trên.**

### ***Đính kèm:***

- Dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;
- Bảng tổng hợp các nội dung sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

*(Tài liệu đính kèm trên được đăng tải trên website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn))*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TC.

**Nguyễn Huy Hưng**



**TỔNG CÔNG TY  
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA  
TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
(*Kèm theo Tờ trình số /TTr-LTMN-HĐQT ngày tháng năm 2023  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam*)

**PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm và được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm .

**CHƯƠNG I.  
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

**Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán, được quy định tại Điều 6 Điều lệ này và được xác nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp;
  - b. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
  - c. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
  - d. “Tổng công ty” là gọi tắt của Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần;
  - e. “Ngày thành lập” là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;
  - f. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
  - g. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - h. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
  - i. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - j. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết;

k. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

1. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự trong Luật Doanh nghiệp.

## **CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty**

1. Tên Tổng công ty
  - Tên Tổng công ty viết bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
  - Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM SOUTHERN FOOD CORPORATION – JOINT STOCK COMPANY
  - Tên Tổng công ty viết tắt: VINAFOOD II
  - Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM.
  - Logo của Tổng công ty:



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM  
VINAFOOD II

2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (028) 38370025/26/27/27/29

**Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

- Fax: (028) 38365898/99

- E-mail: vanphong@vsfc.com.vn

- Website: www.vinafood2.com.vn

4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty**

1. Tổng công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc. Việc cử Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định cụ thể.

2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trở lại làm việc tại Tổng công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

**CHƯƠNG III.  
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG  
CỦA TỔNG CÔNG TY**

**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:



**a. Ngành nghề kinh doanh chính:**

Thu mua, bảo quản, chế biến, sản xuất, bán buôn, bán lẻ, dự trữ, lưu thông lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản; Xuất khẩu, nhập khẩu lương thực, thực phẩm, nông sản; gia công đóng gói các mặt hàng: nông, thủy sản, phân bón, vật tư nông nghiệp,...

**b. Ngành nghề có liên quan đến ngành kinh doanh chính:**

- Sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản;
  - Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh các mặt hàng thủy sản;
  - Sản xuất và kinh doanh bao bì, nguyên liệu sản xuất bao bì;
  - Sản xuất và kinh doanh thực phẩm chế biến;
  - Quản lý khai thác cảng biển, bến - cảng nội thủy, giao nhận hàng hóa, đại lý vận tải hàng hóa chuyên ngành đường biển;
  - Kinh doanh kho, bãi và lưu giữ hàng hóa, Logistic;
  - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường sông, đường bộ;
  - Khai thác và kinh doanh nước uống tinh khiết, nước khoáng;
  - Kinh doanh xe ô tô, xe máy; Bảo dưỡng, bảo trì xe ô tô, xe máy;
  - Kinh doanh hệ thống phân phối, bán lẻ các loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng, bán lẻ đồ điện gia dụng, đồ dùng nội thất;
  - Kinh doanh dịch vụ trồng trọt, dịch vụ chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch và xử lý hạt giống để nhân giống;
  - Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
  - Kinh doanh phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư phục vụ sản xuất lương thực, vật tư xây dựng;
  - Kinh doanh xăng dầu;
  - Kinh doanh sản phẩm nhựa các loại;
  - Mua bán gỗ và các sản phẩm từ gỗ;
  - Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống; dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
  - Kinh doanh quảng cáo thương mại, tiếp thị;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
  - Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
  - Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
- \* Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty cụ thể như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<p>Bán buôn thực phẩm</p> <p>Chi tiết: Bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chế biến. Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột và tinh bột (không hoạt động tại trụ sở) (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh)</p>	4632
2	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu lương thực (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn bao bì, nguyên liệu sản xuất bao bì, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh)</p>	4669
3	<p>Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ xuất khẩu, nhập khẩu lương thực (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh).</p>	4721
4	<p>Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chế biến. Bán lẻ rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến; sữa, sản phẩm từ sữa và trứng; thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến; hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến; bánh, mứt, kẹo, thực phẩm khác (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh). Bán lẻ bánh tráng.</p>	4722
5	<p>Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ xuất khẩu, nhập khẩu nông sản (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực</p>	4773

STT	Tên ngành	Mã ngành
	phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh).	
6	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), đồ thể thao, lương thực thực phẩm (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh)	4719
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thu mua, bảo quản, chế biến, dự trữ, lưu thông lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản.	8299
8	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Bảo quản, chế biến thực phẩm chế biến (không hoạt động tại trụ sở). Chế biến thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).	1010
9	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Bảo quản, chế biến lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản (không hoạt động tại trụ sở).	1030
10	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Chế biến thức ăn chăn nuôi.	1080
11	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
12	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
13	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ hạt nhựa (trừ tái chế phế thải nhựa tại trụ sở)	2220
14	Sản xuất bao bì bằng gỗ Chi tiết: Sản xuất bao bì (trừ chế biến gỗ tại trụ sở).	1623
15	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất nguyên liệu sản xuất bao bì (trừ tái chế phế thải tại trụ sở).	3290



*Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần*

STT	Tên ngành	Mã ngành
16	Sản xuất các loại bánh từ bột Chi tiết: Sản xuất bánh trắng.	1071
17	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Xay xát, chế biến lúa mì, bột mì.	1061
18	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột Chi tiết: Sản xuất chế biến các sản phẩm từ bột.	1062
19	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ sau thu hoạch.	0163
20	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Khai thác cảng biển, bến-cảng nội thủy. Giao nhận, đại lý vận tải hàng hóa chuyên ngành đường biển.	5222
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng sông, cảng biển	5224
25	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho bãi, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan), kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.	5210
26	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ Chi tiết: bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)	4631 (chính)
27	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: sản xuất nước khoáng, nước uống tinh khiết.	1104

STT	Tên ngành	Mã ngành
28	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
29	Bán lẻ đồ uống trong cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn, bán lẻ đồ uống không có cồn	4723
30	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
31	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
32	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
33	Bán mô tô, xe máy	4541
34	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
35	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
36	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn) (không hoạt động tại trụ sở).	4661
37	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
38	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
39	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển, Logistics	5229
40	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
41	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
42	Điều hành tua du lịch	7912
43	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ	7990

*Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần*

STT	Tên ngành	Mã ngành
	chức tua du lịch	
44	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	8230
45	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
46	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) (không hoạt động tại trụ sở).	4620
47	Bán buôn đồ uống	4633
48	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).	1020
49	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
50	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
51	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
52	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
53	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt và các sản phẩm có liên quan	4610
54	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.	4730
55	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ.	5225

STT	Tên ngành	Mã ngành
56	Bán buôn tổng hợp	4690
57	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty có thể mở rộng thêm do Đại hội đồng cổ đông quyết định trong khuôn khổ và ngành nghề mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhằm mục tiêu mang lại lợi nhuận tối đa hợp pháp; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Tổng công ty trong điều kiện tuân thủ các quy định pháp luật; phát triển bền vững lâu dài;

Mục tiêu chính của Tổng công ty là doanh nghiệp kinh doanh lương thực hàng đầu của Việt Nam, cung cấp các loại gạo và đa dạng với các sản phẩm, dịch vụ khác, chất lượng, hiệu quả đảm bảo thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty**

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 5.000.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm ngàn tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 500.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết



định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định theo pháp luật hiện hành.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

8. Tổng công ty không có cổ đông sáng lập.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổng công ty phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Tổng công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng; trừ trường hợp hạn chế theo cam kết của cổ đông chiến lược, hạn chế đối với cổ phần ưu đãi mua thêm của người lao động, của tổ chức công đoàn, hạn chế khác (nếu có) theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ phần tương ứng.

Cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng cổ phần trong thời hạn tối thiểu năm (05) năm đầu kể từ ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần. Trong trường hợp đặc biệt, cổ đông chiến lược có thể chuyển nhượng cổ phần của mình trước thời hạn nêu trên nếu được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.

Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

### **CHƯƠNG V.**

## **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

## **CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác theo quy định pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp, Điều 9 Điều lệ này và quy định khác của pháp luật có liên quan;
  - d. Ưu tiên mua cổ phần chào bán mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
  - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - h. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán hết các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;
  - i. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
  - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;



k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

1. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế nội bộ của Tổng công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.



**Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.
7. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
8. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

**Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

**Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

b. Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - 1. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
  - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
  - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
  - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;
  - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;
    - 1. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;



- m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;
- n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
- o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

**3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:**

- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 16. Đại diện theo ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.



***Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần***

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

**Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 66% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp không quá bảy (07) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Thẻ/Phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị

**Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

**Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội



dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành Đại hội đồng cổ đông để bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Chủ tọa cuộc họp có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có những người dự họp không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh thì Chủ tọa có thể trục xuất người đó ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:



**Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
  - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
8. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
  - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
- Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
9. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
10. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
11. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 21. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề sẽ được thông qua khi có từ 66% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp (hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự) và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.
2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ

tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 66% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
- c. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- d. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- f. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- h. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

**Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

- l. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - m. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
  - n. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
  - o. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - p. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
  - q. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - s. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi cho tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f. Phương án bầu cử (nếu có);
  - g. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:





## **Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu, nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:



- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - f. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - g. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
  - j. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

3. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## **CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- f. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử đủ ứng cử viên.

5. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và có xét yếu tố về giới.

Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Khi Tổng công ty đã là công ty niêm yết thì phải có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.





**Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;



**Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;
  - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;
  - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Tổng công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
  - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - h. Việc định giá tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
  - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;
  - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

#### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi

nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

**Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.



Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được ít nhất 2/3 số thành viên dự họp tán thành.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết có ý kiến tán thành. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có liên quan.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

***Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần***

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty**

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG VIII.**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

#### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 34. Người điều hành Tổng công ty**

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:



- a. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty, phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty;
  - b. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
  - c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;
  - d. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty. Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.
  - e. Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.
5. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
  - b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
  - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;
  - e. Kiến nghị số lượng người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
  - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - g. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như phù hợp với kế hoạch tài chính năm (05) năm;
  - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng

quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;

i. Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, tuyển dụng, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, cho thôi giữ chức vụ, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

j. Đề nghị Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh: Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty; thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên công ty con là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm 100% vốn điều lệ.

k. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác, giới thiệu người tham gia vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác.

l. Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các doanh nghiệp thành viên.

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.

6. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

## **CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

**Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 39. Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:



a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

**Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

4. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

**CHƯƠNG X.**

**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

**Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

**Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm





soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng



công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được xem xét, kiểm tra, tra cứu, trích lục biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty. Việc kiểm tra trích lục nêu trên được thực hiện trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG XII. TỔ CHỨC ĐẢNG, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 44. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị-xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tạo điều kiện để tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó.

#### **Điều 45. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 46. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tại từng thời điểm phù hợp với quy định pháp luật.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

##### **Điều 47. Tài khoản ngân hàng**

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

##### **Điều 48. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

##### **Điều 49. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

#### **CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

##### **Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Tổng công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 51. Báo cáo thường niên**

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 52. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

### **CHƯƠNG XVII. CON DẤU**

#### **Điều 53. Con dấu**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY VÀ THANH LÝ**

### **Điều 54. Giải thể Tổng công ty**

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác;
  - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 55. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c. Nợ thuế;
  - d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
  - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tổng công ty, hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Tổng công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một (01) chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 57. Điều lệ Tổng công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

3. Mọi quan hệ của Tổng công ty với các đơn vị thành viên sẽ được quy định cụ thể tại các Quy chế nội bộ của Tổng công ty do Hội đồng quản trị ban hành và phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

## **CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 58. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương, 58 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần nhất trí thông qua ngày        tháng        năm        tại trụ sở Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.



**Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**NGUYỄN HUY HÙNG**

3  
3  
T  
H  
IA  
PH  
C



## **MỤC LỤC**

<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....	1
<b>CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY .....</b>	<b>2</b>
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty .....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty .....	3
<b>CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY .....</b>	<b>3</b>
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty .....	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty .....	10
<b>CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN .....</b>	<b>10</b>
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....	11
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	11
Điều 10. Thu hồi cổ phần .....	12
<b>CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....</b>	<b>12</b>
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....	12
<b>CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....</b>	<b>13</b>
Điều 12. Quyền của cổ đông .....	13
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông .....	14
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông .....	15
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	16
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền .....	18
Điều 17. Thay đổi các quyền .....	19
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....	20
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 21. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....	23

***Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần***

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	27
<b>CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>28</b>
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	28
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	30
<b>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị ..</b>	<b>31</b>
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	32
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	33
<b>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....</b>	<b>34</b>
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty .....	35
<b>CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>36</b>
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý .....	36
Điều 34. Người điều hành Tổng công ty .....	36
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc .....	36
<b>CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>38</b>
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên .....	38
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	39
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	39
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát.....	39
<b>CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>41</b>
Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng .....	41
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	41
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	42
<b>CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY .....</b>	<b>43</b>
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ .....	43
<b>CHƯƠNG XII: TỔ CHỨC ĐẢNG, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>	<b>43</b>
Điều 44. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị -xã hội.....	43



Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	44
<b>CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>44</b>
Điều 46. Phân phối lợi nhuận .....	44
<b>CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .....</b>	<b>45</b>
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	45
Điều 48. Năm tài chính.....	45
Điều 49. Chế độ kế toán .....	45
<b>CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>45</b>
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....	45
Điều 51. Báo cáo thường niên .....	46
<b>CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY .....</b>	<b>46</b>
Điều 52. Kiểm toán.....	46
<b>CHƯƠNG XVII. CON DẤU .....</b>	<b>46</b>
Điều 53. Con dấu .....	46
<b>CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY VÀ THANH LÝ .....</b>	<b>47</b>
Điều 54. Giải thể Tổng công ty .....	47
Điều 55. Thanh lý .....	47
<b>CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....</b>	<b>48</b>
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	48
<b>CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>48</b>
Điều 57. Điều lệ Tổng công ty .....	48
<b>CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC .....</b>	<b>48</b>
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	48
<b>MỤC LỤC .....</b>	<b>50</b>



# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn)

Số: TTr-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023



## TỜ TRÌNH

**V/v điều chỉnh, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty).*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty được điều chỉnh, sửa đổi theo các quy định của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, Điều 7 của Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính với các nội dung cụ thể theo dự thảo đính kèm;

2. Giao cho Hội đồng quản trị chủ động hoàn thiện Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần để phát hành bản chính thức phù hợp với quy định của pháp luật.

*(Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty được đăng tải trên website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn))*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Huy Hưng**

**TỔNG CÔNG TY  
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-LTMN-HĐQT ngày tháng năm 2023  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam)

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số..., ngày ... tháng ... năm 2023.*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG 1.  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

**Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt**

1. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Tổng công ty: là Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.



3. HĐQT: là viết tắt của Hội đồng quản trị.
4. BKS: là viết tắt của Ban kiểm soát.
5. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền).
6. Ứng cử: là tự đề cử.
7. TCLKCK: Tổ chức lưu ký chứng khoán.
8. UBCKNN: là viết tắt của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
9. SGDCK: là viết tắt của Sở giao dịch chứng khoán.
10. HOSE: là viết tắt của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
11. Người phụ trách quản trị Tổng công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

## **CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

#### **Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ Tổng công ty.

### **Mục 2. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

#### **Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty;

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông**

##### **1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:**

a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và phù hợp để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

g. Đoàn Chủ tọa gồm 3 - 5 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 2 - 4 thành viên.

h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình bày thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 3-5 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 2 - 4 thành viên.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.



- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty được tổ chức tiến hành.

- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

**Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày TCLKCK xác lập danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với quy định của pháp luật. Tổng công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng và việc lập danh sách cổ đông có quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. HĐQT gửi thông báo và các tài liệu liên quan đến Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) và Trung tâm lưu ký chứng khoán (TTLKCK) thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ít nhất là 10 (mười) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.

**Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.

4. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

**Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp không quá bảy (07) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- c. Thẻ/Phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu

tập hợp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 9. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Tổng công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Tổng công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của Pháp luật.
- Tổng công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội



a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Tổng công ty;

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản này phải lập thành văn bản theo khoản 2 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

c. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

**Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội**

1. Nguyên tắc chung

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Tổng công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ

b. Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu

bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

- Phiếu bầu cử không hợp lệ:
- + Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ;
- + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- + Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết**

#### **1. Nguyên tắc chung**

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

#### **2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết**

a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như không biểu quyết về vấn đề đó và không được tính vào số phiếu thu về để xác định tổng số phiếu biểu quyết thông qua vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “√” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

### **Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử**

#### **1. Nguyên tắc chung**

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.



## 2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

### a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

+ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;

+ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;

+ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

+ Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

+ Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

### b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết:

Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

## **Điều 15. Cách thức kiểm phiếu**

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

## **Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề sẽ được thông qua khi có từ 66% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp (hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự) và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

2. Việc bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 66% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

#### **Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

#### **Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

### **Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);
- i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- k. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

### **Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài



liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

**Mục 3. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

**Điều 21. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
- c. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- d. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- f. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- h. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- l. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- m. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- n. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
- o. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- p. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- q. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 22. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tổng công ty.

**3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến**

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Phương án bầu cử (nếu có);
- Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong

trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

#### **4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu**

HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

#### **5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu**

a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **6. Lưu tài liệu:**

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Khoản 2 Điều 18 Quy chế này.

### ***Mục 4. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến***

#### **Điều 23. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Lưu ý: Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.



#### **Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

**1. Điều kiện tham gia:**

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Tổng công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.

**2. Yêu cầu kỹ thuật:**

Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

**3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:**

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 25 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

#### **Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử**

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do HĐQT quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Tổng công ty.

3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

#### **Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ

liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Tổng công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Tổng công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Tổng công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

#### **Điều 27. Điều kiện tiến hành**

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

#### **Điều 28. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến**

a. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại đại hội sẽ được Tổng công ty trả lời sau.

#### **Điều 29. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

### **Điều 30. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến**

#### **a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:**

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

#### **b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:**

Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

#### **c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:**

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Đại biểu có thể thay đổi nội dung biểu quyết, bầu cử của mình (nhưng không thể hủy nội dung biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổng công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

### **Điều 31. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến**

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.



**Điều 32. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

**Điều 33. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

- Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty.

**Điều 34. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

*Mục 5. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến*

**Điều 35. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

**Điều 36. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 và Điều 24 Quy chế này.

**Điều 37. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 và Điều 26 Quy chế này.

**Điều 38. Điều kiện tiến hành**

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

**Điều 39. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 29 Quy chế này.

**Điều 40. Cách thức bỏ phiếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 30 Quy chế này.

**Điều 41. Cách thức kiểm phiếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 31 Quy chế này.

**Điều 42. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 32 Quy chế này.

**Điều 43. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 33 Quy chế này.

**Điều 44. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

### **CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Mục 1. Quy định chung**

#### **Điều 45. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT**

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty;
9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
10. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Tổng công ty.

#### **Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;
- b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

**Mục 2. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT**

**Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT**

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
  - a. Cơ cấu HĐQT của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.
  - b. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
  - c. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
  - d. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

**Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.



3. Thành viên HĐQT chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác.

**Điều 49. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT**

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử đủ ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

**Điều 50. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

**Điều 51. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### **Điều 52. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Tổng công ty theo trình tự và quy định pháp luật hiện hành.

#### **Điều 53. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên HĐQT**

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

#### **Điều 54. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;

- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

### **Mục 3. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT**

#### **Điều 55. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT**

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.



6. Thành viên HĐQT có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

#### **Mục 4. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT**

##### **Điều 56. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm**

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

##### **Điều 57. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường**

1. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
- d. Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

##### **Điều 58. Thông báo họp HĐQT và quyền dự họp HĐQT của thành viên Ban kiểm soát**

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Tổng công ty.

2. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

### **Điều 59. Điều kiện tổ chức họp HĐQT**

Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

### **Điều 60. Cách thức biểu quyết**

1. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 62 Quy chế này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

#### **3. Biểu quyết**

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 41 Điều lệ Tổng công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản

thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

5. HĐQT có quyền lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua Nghị quyết HĐQT khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Tổng công ty.

6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của ít nhất 2/3 thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

7. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

#### **Điều 61. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT**

Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được ít nhất 2/3 số thành viên dự họp tán thành.

#### **Điều 62. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT**

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

#### **Điều 63. Lập biên bản họp HĐQT**

Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;



i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 64 Quy chế này.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

#### **Điều 64. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT**

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Điều 63 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có liên quan.

#### **Điều 65. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT**

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Tổng công ty theo trình tự và quy định hiện hành.

#### **Mục 5. Các tiểu ban thuộc HĐQT**

##### **Điều 66. Các tiểu ban thuộc HĐQT**

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

#### **Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty**

##### **Điều 67. Người phụ trách quản trị Tổng công ty**

1. HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ

của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 68. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty**

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của HĐQT.

**Điều 69. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Tổng công ty theo trình tự và quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 70. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty**

Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT**

### **Mục 1. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

#### **Điều 71. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông.

e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

### **Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

#### **Điều 72. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty là 03 người.



2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Tổng công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 73. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

f. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty; người đại diện phần vốn của Tổng công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty, đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của luật doanh nghiệp.

3. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

### **Điều 74. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, 2 Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 75. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát**

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

#### **Điều 76. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 77. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tổng công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

#### **Điều 78. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC**

### ***Mục 1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc***

#### **Điều 79. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc**

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

e. Kiến nghị số lượng người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như phù hợp với kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển



tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;

i. Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, tuyển dụng, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, cho thôi giữ chức vụ, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

k. Đề nghị HĐQT Tổng công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh: Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty; thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên công ty con là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm 100% vốn điều lệ.

l. Đề nghị HĐQT quyết định cử Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác, giới thiệu người tham gia vào HĐQT, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác.

m. Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các doanh nghiệp thành viên.

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.

***Mục 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc***

#### **Điều 80. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc**

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty, phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty;

b. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật;

d. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty. Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu,



anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

e. Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

**Điều 81. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 80 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Tổng công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng giám đốc.

**Điều 82. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc**

HĐQT bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi được ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

HĐQT có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 83. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Tổng công ty theo trình tự và quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 84. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc**

1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do HĐQT quyết định.

2. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**CHƯƠNG 6.  
CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

**Điều 85. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc**

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem

xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

4. HĐQT ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

5. Mỗi quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát: HĐQT chịu sự giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát.

**Điều 86. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác**

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Tổng công ty và cổ đông.

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

**Điều 87. Khen thưởng**

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 86 của Quy chế này.

2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Tổng công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng giám đốc lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Ban điều hành và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.



### **Điều 88. Kỷ luật**

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Tổng công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG 7.**

### **SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **Điều 89. Bổ sung và sửa đổi Quy định nội bộ về quản trị Công ty**

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG 8.**

### **NGÀY HIỆU LỰC**

#### **Điều 90. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 90 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ..... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Huy Hưng**

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>1</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	1
<b>CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>2</b>
<b>Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>2</b>
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	2
<b>Mục 2. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>2</b>
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 9. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	9
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	10
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	10
Điều 15. Cách thức kiểm phiếu	11
Điều 16. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua	11
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu	12
Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	13
<b>Mục 3. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b>	<b>14</b>
Điều 21. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	14
Điều 22. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	15
<b>Mục 4. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</b>	<b>16</b>
Điều 23. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	16
Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	17

Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử -----	17
Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	17
Điều 27. Điều kiện tiến hành -----	18
Điều 28. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến -----	18
Điều 29. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	18
Điều 30. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến-----	19
Điều 31. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến-----	19
Điều 32. Thông báo kết quả kiểm phiếu -----	20
Điều 33. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	20
Điều 34. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	20
<b>Mục 5. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến -----</b>	<b>20</b>
Điều 35. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông-----	20
Điều 36. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông -----	20
Điều 37. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông-----	20
Điều 38. Điều kiện tiến hành -----	20
Điều 39. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông -----	20
Điều 40. Cách thức bỏ phiếu -----	20
Điều 41. Cách thức kiểm phiếu -----	20
Điều 42. Thông báo kết quả kiểm phiếu -----	20
Điều 43. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	20
Điều 44. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	20
<b>CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ-----</b>	<b>21</b>
<b>Mục 1. Quy định chung -----</b>	<b>21</b>
Điều 45. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT -----	21
Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT -----	21
<b>Mục 2. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT-----</b>	<b>22</b>
Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT -----	22
Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT -----	22
Điều 49. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT -----	23
Điều 50. Cách thức bầu thành viên HĐQT -----	23



Điều 51. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT -----	23
Điều 52. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	24
Điều 53. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT -----	24
Điều 54. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT -----	24
<b>Mục 3. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT -----</b>	<b>25</b>
Điều 55. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT -----	25
<b>Mục 4. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT -----</b>	<b>26</b>
Điều 56. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm -----	26
Điều 57. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường -----	26
Điều 58. Thông báo họp HĐQT và quyền dự họp HĐQT của thành viên Ban kiểm soát -----	26
Điều 59. Điều kiện tổ chức họp HĐQT -----	27
Điều 60. Cách thức biểu quyết -----	27
Điều 61. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT -----	28
Điều 62. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT -----	28
Điều 63. Lập biên bản họp HĐQT -----	28
Điều 64. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT -	29
Điều 65. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT -----	29
<b>Mục 5. Các tiểu ban thuộc HĐQT -----</b>	<b>29</b>
Điều 66. Các tiểu ban thuộc HĐQT -----	29
<b>Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty -----</b>	<b>29</b>
Điều 67. Người phụ trách quản trị Tổng công ty -----	29
Điều 68. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty -	30
Điều 69. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty -----	30
Điều 70. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty -----	30
<b>CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT -----</b>	<b>31</b>
<b>Mục 1. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát -----</b>	<b>31</b>
Điều 71. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát -----	31
<b>Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát -----</b>	<b>31</b>

Điều 72. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát-	31
Điều 73. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát-----	32
Điều 74. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát-----	32
Điều 75. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát-----	33
Điều 76. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ---	33
Điều 77. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ---	33
Điều 78. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát-----	33
<b>CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC-----</b>	<b>34</b>
<i><b>Mục 1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc -----</b></i>	<i><b>34</b></i>
Điều 79. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc-----	34
<i><b>Mục 2. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc -----</b></i>	<i><b>35</b></i>
Điều 80. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc -----	35
Điều 81. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc-----	36
Điều 82. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc -----	36
Điều 83. Thông báo bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc-----	36
Điều 84. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc-----	36
<b>CHƯƠNG 6. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC -----</b>	<b>36</b>
Điều 85. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc---	36
Điều 86. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác-----	37
Điều 87. Khen thưởng-----	37
Điều 88. Kỷ luật-----	38
<b>CHƯƠNG 7. SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY -----</b>	<b>38</b>
Điều 89. Bổ sung và sửa đổi Quy định nội bộ về quản trị Công ty -----	38
<b>CHƯƠNG 8. NGÀY HIỆU LỰC-----</b>	<b>38</b>
Điều 90. Ngày hiệu lực-----	38



# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn)



Tr-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

## TỜ TRÌNH

### Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Tổng công ty);

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty ban hành kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 15/3/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty được xây dựng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, Điều 7 của Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính với các nội dung cụ thể theo dự thảo đính kèm.

2. Giao cho Hội đồng quản trị chủ động hoàn thiện Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty để phát hành bản chính thức phù hợp với quy định của pháp luật.

(Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty được đăng tải trên website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn))

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Huy Hưng**



**TỔNG CÔNG TY  
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Dự thảo

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-LTMN-HĐQT ngày tháng năm 2023  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam)

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ....., ngày ... tháng ... năm .....*

*Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.*

*Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần bao gồm các nội dung sau:*

**CHƯƠNG I.  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong hệ thống Tổng công ty.

2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ doanh nghiệp quy định.

### **Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới

được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác.

**4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:**

Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới. Cơ cấu Hội đồng quản trị bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Các Thành viên Hội đồng quản trị.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

**Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;
3. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;



e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành và xử lý các công việc của Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;

d) Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty.

### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử đủ ứng cử viên.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.



### **CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

r) Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

**Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

**Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

**2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (07) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;



đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

#### **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương, thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty.

### **CHƯƠNG IV.**

#### **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng

quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, email, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được ít nhất 2/3 số thành viên dự họp tán thành.

### 13. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

a) Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

b) Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Văn phòng Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến (theo mẫu đi kèm tại phụ lục 1) và gửi các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu gửi kèm phải được gửi tận tay hoặc bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc đã được đăng ký của từng thành viên Hội đồng quản trị. Hồ sơ lấy ý kiến có thể gửi đến thành viên Hội đồng quản trị bằng thư điện tử (email). Văn phòng Hội đồng quản trị cần lưu bằng chứng xác nhận đã gửi hồ sơ lấy ý kiến đến từng thành viên Hội đồng quản trị.

c) Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty; vấn đề lấy ý kiến; thời hạn lấy ý kiến.

d) Văn phòng Hội đồng quản trị tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể biểu quyết ý kiến bằng văn bản, email hoặc điện thoại đối với vấn đề được nêu trong văn bản hoặc email. Văn phòng Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị gửi bằng văn bản hoặc email để lập biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị.

e) Phiếu ý kiến đã được thành viên Hội đồng quản trị trả lời (có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị), biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết/Quyết định được thông qua và tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc lấy ý kiến phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

### **Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;



h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu liên quan khác đến phiên họp được lưu giữ tại Văn phòng Hội đồng quản trị và Văn thư được lưu giữ theo chế độ bảo mật của Tổng công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

### **Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

3. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải

được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

## **CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

### **Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

### **Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.



**CHƯƠNG VII.  
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm .....

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Phụ lục 1: Mẫu phiếu lấy ý kiến**

**TỔNG CÔNG TY  
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN**  
Số: .../20.../PLYK-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
....., ngày ....tháng ..... năm 20....

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN BIỂU QUYẾT HĐQT**  
**BẢNG VĂN BẢN**  
(V/v: .....)

**Kính gửi: Các Thành viên HĐQT**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty);*

Chủ tịch Hội đồng quản trị đề nghị các thành viên Hội đồng quản trị cho ý kiến về nội dung sau:

**Nội dung:** Phê chuẩn.....(Chi tiết theo Tài liệu đính kèm)

**Ý kiến của Thành viên hội đồng quản trị:**

[   ]	[   ]	[   ]
Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến

**Ý kiến bổ sung** (Kèm theo phụ lục ý kiến chi tiết nếu có):

.....  
.....

Đề nghị Thành viên HĐQT cho ý kiến vào phiếu này và gửi về:

Văn phòng HĐQT Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Email: .....

Thời điểm: trước ..... giờ 00 ngày ...../...../....

Trân trọng./.

....., ngày .... tháng .... năm...

**THÀNH VIÊN HĐQT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CHỦ TỊCH HĐQT**

**Ghi chú:**

Ý kiến bổ sung (nếu có) của Thành viên HĐQT có thể được trình bày ngắn gọn ở mục “Ý kiến bổ sung” hoặc trình bày bằng văn bản (Phụ lục 2).

**Phụ lục 2: Phụ lục chi tiết ý kiến bổ sung**

**TỔNG CÔNG TY  
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC PHIẾU Ý KIẾN**

**Về nội dung Văn bản.....(kèm theo Phiếu lấy ý kiến)**

**I. NHẬN XÉT CHUNG**

.....

.....

.....

.....

**II. CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ:**

STT	Khoản, mục	Nội dung văn bản	Nhận xét	Đề nghị

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị .....	1
<b>CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>2</b>
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị .....	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị .....	2
Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị .....	2
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	3
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .	4
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ..	6
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>7</b>
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	7
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch .....	8
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường .....	9
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. ....	10
<b>CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>10</b>
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị .....	10
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	12
<b>CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....</b>	<b>13</b>
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm .....	13
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	14
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan .....	14
<b>CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>15</b>
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị .....	15
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành.....	15
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát .....	15
<b>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>16</b>
Điều 23. Hiệu lực thi hành .....	16



**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn)

Số:



TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Về trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt  
Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty).*

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổng công ty, thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị của Tổng công ty. Ban Kiểm soát đã soạn thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua.

*(Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được đăng tải trên website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn))*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Tuấn Vinh**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA  
BAN KIỂM SOÁT**  
**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**(Ban hành theo Nghị quyết số .... ngày ... tháng ... năm .... của**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)**



## MỤC LỤC

CHƯƠNG I_ QUY ĐỊNH CHUNG .....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	3
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.....	3
CHƯƠNG II_ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN).....	4
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát .....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát .....	5
Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát.....	5
Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Kiểm soát viên .....	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	6
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát...	7
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát .....	7
CHƯƠNG III_ BAN KIỂM SOÁT .....	8
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát .....	8
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát .....	10
Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông .....	10
CHƯƠNG IV_ CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT .....	11
Điều 15. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	11
Điều 16. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát.....	11
Điều 17. Biên bản họp của Ban Kiểm soát .....	12
CHƯƠNG V_ BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	12
Điều 18. Trình báo cáo hàng năm.....	12
Điều 19. Thù lao, tiền lương và lợi ích của thành viên Ban Kiểm soát .....	13
Điều 20. Công khai lợi ích liên quan .....	13
CHƯƠNG VI_ QUAN HỆ GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....	14
Điều 21. Quan hệ với cổ đông.....	14
Điều 22. Quan hệ với Hội đồng quản trị.....	14
Điều 23. Quan hệ với Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.....	14
CHƯƠNG VII_ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....	15
Điều 24. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung quy chế .....	15

## **CHƯƠNG I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát và mối quan hệ với các bộ phận khác của Tổng công ty Lương thực miền Nam - CTCP.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Tổng công ty: Là Tổng công ty Lương thực miền Nam – CTCP
2. Cổ đông: Là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.
3. Người có liên quan: Là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
4. Người quản lý: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty
5. Ban Tổng giám đốc: Là Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc của Tổng công ty
6. Kiểm toán nội bộ: Là cơ quan chuyên môn do Hội đồng quản trị thành lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ.
7. Kiểm soát viên: Là cá nhân do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, bổ nhiệm lại để thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, người quản lý khác của Tổng công ty.

#### **Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các báo cáo, kết luận kiểm tra, giám sát của mình. Thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo về việc thực hiện các công việc được phân công phụ trách.

2. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cơ quan có thẩm quyền phải được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát.

3. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của Tổng công ty, đảm bảo Tổng công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Tổng công ty.

## **CHƯƠNG II**

### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)**

#### **Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty;
3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định;
5. Đề nghị Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường hoặc khi xét thấy cần thiết;
6. Kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có;
7. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Tổng công ty, đơn vị phụ thuộc cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;
8. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích;
9. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích;
10. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết;
11. Bảo lưu ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
12. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát có từ 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.
3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.



4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha dẻ, cha nuôi, mẹ dẻ, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, con dẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

4. Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

#### **Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát**

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát được quy định như sau:

a) Xây dựng chương trình kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát hàng năm, quý, tháng, các nội dung đột xuất khi có những vấn đề phát sinh và phân công thực hiện;

b) Thay mặt Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập hoặc triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

c) Trao đổi ý kiến với Hội đồng quản trị về các nội dung nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi trình Đại hội đồng cổ đông;

d) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc khi thấy cần thiết. Được tham gia thảo luận tại cuộc họp nhưng không được biểu quyết;

e) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo của Ban Kiểm soát;

f) Triệu tập, chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu và chủ tọa các cuộc họp của Ban Kiểm soát;

g) Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét;

h) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

i) Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản, báo cáo thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát trên cơ sở nội dung đã được các thành viên trong Ban Kiểm soát thông qua.

k) Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong Ban Kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.

### **Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Kiểm soát viên**

1. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên

có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Quy chế này và Điều lệ Tổng công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới



Tổng công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **CHƯƠNG III**

#### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

9. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

10. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

12. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

13. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

14. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

15. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

17. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

18. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

19. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

20. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

23. Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm

W

việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc các đơn vị phụ thuộc, người đại diện vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện (trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác).

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.



## CHƯƠNG IV

### CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

#### Điều 15. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất một năm hai (02) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát theo đề nghị của:

- Ít nhất một (01) thành viên Ban Kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát phải được tiến hành trong vòng bảy (07) ngày sau khi nhận được đề nghị.

4. Trong trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt thì người được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền bằng văn bản triệu tập cuộc họp của Ban Kiểm soát.

5. Thời gian triệu tập họp Ban Kiểm soát: Cuộc họp Ban Kiểm soát được thông báo mời họp ít nhất một (01) ngày trước ngày khai mạc bao gồm thời gian, địa điểm, nội dung và tài liệu kèm theo (nếu có). Thông báo triệu tập họp có thể bằng văn bản, fax, thư điện tử, điện thoại.

6. Địa điểm họp Ban Kiểm soát: Địa điểm họp do người triệu tập họp quyết định trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Cuộc họp Ban Kiểm soát được coi là có giá trị pháp lý khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát hoặc người được thành viên Ban Kiểm soát ủy quyền thay thế tham dự.

Chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát là Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền bằng văn bản. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt và không ủy quyền lại thì các thành viên tham dự cuộc họp bầu một người làm chủ tọa cuộc họp.

#### Điều 16. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

1. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một (01) phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác thực hiện biểu quyết thay;

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền và lợi ích liên quan đến nội dung vấn đề được đưa ra biểu quyết sẽ không được phép tham gia biểu quyết;

3. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng

Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền.

#### **Điều 17. Biên bản họp của Ban Kiểm soát**

1. Những nội dung được đưa ra trao đổi, kết luận và biểu quyết về từng vấn đề của cuộc họp của Ban Kiểm soát đều phải được ghi trong biên bản. Các thành viên Ban Kiểm soát được quyền bảo lưu ý kiến trong biên bản.

2. Biên bản cuộc họp của Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt, lưu trữ tại Ban Kiểm soát và phải được tất cả thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp ký tên và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Biên bản cuộc họp được gửi đến tất cả các thành viên Ban Kiểm soát.

### **CHƯƠNG V**

### **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

#### **Điều 18. Trình báo cáo hàng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, các báo cáo sau đây của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;

2. Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

a) Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

b) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.

c) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

d) Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

g) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

h) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở

lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

#### **Điều 19. Thù lao, tiền lương và lợi ích của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát;

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức tiền lương, thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.

#### **Điều 20. Công khai lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.



5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **CHƯƠNG VI**

### **QUAN HỆ GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 21. Quan hệ với cổ đông**

Ban Kiểm soát thực hiện báo cáo cổ đông kết quả giám sát hoạt động của Tổng công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cổ đông, Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 22. Quan hệ với Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát trong việc quản lý Tổng công ty và Hội đồng quản trị có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

2. Ban Kiểm soát thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

3. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm;

4. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông, yêu cầu công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Tổng công ty, Công ty con, Công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 23. Quan hệ với Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác**

1. Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát trong việc quản lý Tổng công ty. Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị phụ thuộc có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ kịp thời số liệu, tài liệu thông tin giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

2. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát và thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, đề nghị, kiến nghị Ban Tổng giám đốc theo quy định. Ban Tổng giám đốc thông báo cho Ban Kiểm soát những chỉ đạo, ý kiến của mình đối với những vấn đề Ban Kiểm soát đã có báo cáo, đề nghị, kiến nghị để Ban Kiểm

soát theo dõi;

3. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Ban Tổng giám đốc tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm;

4. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của các thành viên trong Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát thông báo bằng văn bản đến Ban Tổng giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo đến Hội đồng quản trị, báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông, yêu cầu công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

6. Khi có nhu cầu sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, Ban Kiểm soát phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

## **CHƯƠNG VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 24. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung quy chế**

1. Quy chế này gồm 07 Chương 24 Điều, có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua; Những nội dung khác về tổ chức hoạt động, chế độ làm việc, các mối quan hệ nếu chưa được đề cập trong quy chế này thì được thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Ban Kiểm soát xem xét, quyết định và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc, người quản lý khác và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**NGUYỄN TUẤN VINH**



# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn



TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 3 năm 2023

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Nhiệm kỳ 2018 - 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

### I. Hoạt động của hội đồng quản trị

#### 1. Thành phần Hội đồng quản trị (HĐQT)

Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa theo Quyết định số 2133/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) lần đầu ngày 11/9/2018 đã bầu thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2018 – 2023 có 05 thành viên.

Qua nhiều kỳ ĐHĐCĐ thường niên và bất thường, thành phần HĐQT có thay đổi, cụ thể như sau:

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Mạnh Hoài	Chủ tịch HĐQT	11/9/2018	29/02/2020
	Võ Thanh Hà		29/02/2020	22/10/2021
	Nguyễn Huy Hưng		22/10/2021	
2	Nguyễn Thị Hoài	Phó Chủ tịch HĐQT	11/9/2018	31/5/2022
3	Nguyễn Ngọc Nam	Phó Chủ tịch HĐQT	11/9/2018	31/5/2022
4	Bạch Ngọc Văn	Thành viên HĐQT	11/9/2018	22/10/2021
	Nguyễn Tiến Dũng		22/10/2021	
5	Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên HĐQT	11/9/2018	22/10/2021
	Lưu Nguyễn Chí Nhân		22/10/2021	

Hiện tại, Hội đồng quản trị có 03 thành viên:

- 1) Ông Nguyễn Huy Hưng – Chủ tịch HĐQT chuyên trách.
- 2) Ông Nguyễn Tiến Dũng – Thành viên HĐQT chuyên trách.



3) Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân – Thành viên HĐQT.

## **2. Hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023**

### **2.1. Đặc điểm tình hình của Tổng công ty**

Tổng công ty Lương thực miền Nam chính thức chuyển sang công ty cổ phần tại thời điểm có sự thay đổi lớn về chính sách cổ phần hóa (NĐ số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 thay thế nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011) và thay đổi cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước (được bàn giao từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp).

Tại thời điểm này, công tác xử lý tài chính, quyết toán vốn nhà nước có nhiều vấn đề chưa được xử lý như: có nhiều tài sản không cần dùng, chờ thanh lý; các khoản nợ tồn đọng, thiếu hụt hàng tồn kho làm ảnh hưởng lớn đến nguồn vốn lưu động của Tổng công ty trước và sau khi chuyển thành công ty cổ phần; các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định lại với giá trị đầu tư tài chính là 1.281,071 tỷ đồng nhưng các đơn vị kinh doanh thua lỗ làm giảm vốn Tổng công ty tại các đơn vị này dẫn đến khi chuyển sang công ty cổ phần phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (trong đó có 10 công ty cổ phần đã mất hết vốn); và theo quy định, Tổng công ty phải trích lập dự phòng đầy đủ cho các giai đoạn trước đó, làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh giai đoạn sau cổ phần hóa.

Ngoài ra, sau khi đánh giá lại tài sản, chi phí khấu hao tài sản cố định tăng cao; năng lực kho tàng, máy móc thiết bị không sử dụng hết công suất làm tăng giá thành sản phẩm, khả năng cạnh tranh thấp, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn đầu chuyển sang công ty cổ phần (từ ngày 09/10/2018 đến 31/12/2018) lỗ 1.837,031 tỷ đồng (chiếm 36,74% vốn điều lệ).

Sự bất cập kéo dài cùng với phương án sử dụng đất chưa được phê duyệt làm cho Tổng công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành từ Hội đồng quản trị đến Ban Tổng giám đốc và công tác triển khai các bước tiếp theo của quá trình cổ phần hóa (xử lý các tồn tại tài chính và quyết toán vốn nhà nước, bàn giao vốn cho công ty cổ phần), dẫn đến kết quả kinh doanh liên tục lỗ từ năm 2019 đến năm 2021.

Năm 2022, ngay từ đầu năm, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty đã tích cực, nỗ lực xây dựng các giải pháp nhằm giảm lỗ, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Đồng thời thực hiện đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành và quan trọng là đã thống nhất được định hướng hoạt động và các giải pháp căn cơ để triển khai đồng bộ và mang lại kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2022 nhiều chi nhánh/đơn vị phụ thuộc có hiệu quả và toàn Tổng công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

### **2.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ 2018 - 2023**

Sau khi được bầu tại ĐHĐCĐ ngày 11/9/2018, các thành viên HĐQT Tổng công ty thực hiện trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Theo phân

công nhiệm vụ, các thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tiến hành các cuộc họp HĐQT, tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, các buổi làm việc với Ban điều hành Tổng công ty, lãnh đạo các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc, Người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty. Theo đó, HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định và các văn bản chỉ đạo thuộc thẩm quyền của HĐQT để chỉ đạo và giám sát việc thực hiện đối với Ban Tổng giám đốc, các đơn vị phụ thuộc và người đại diện của Tổng công ty trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong toàn Tổng công ty.

Hàng năm, Hội đồng quản trị đã tập trung triển khai thực hiện các nội dung chương trình theo quyền hạn, trách nhiệm đề lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc quản lý, điều hành Tổng công ty tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

(i) Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD hàng năm của Tổng công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh qua các năm với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

\* Công ty mẹ

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	Thực hiện từ 9/10-31/12/2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022
<b>I</b>	<b>Mua vào</b>						
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	113.077	748.361	679.148	566.953	736.770
2	Lúa mì	Tấn	962	26.614	36.309	36.186	38.780
3	Xăng dầu	Ngàn lít	727	3.081	3.068	2.416	3.197
4	Xe honda	Chiếc	1.767	6.938	6.029	5.126	7.406
<b>II</b>	<b>Bán ra</b>						
1	Gạo (a + b)	Tấn	<b>184.300</b>	<b>735.331</b>	<b>666.523</b>	<b>459.078</b>	<b>709.266</b>
	a. Xuất khẩu TT	Tấn	151.525	577.525	384.149	330.661	524.733
	b. Tiêu thụ nội địa	Tấn	32.775	157.806	282.374	128.417	184.533
2	Bột mì	Tấn	6.470	16.956	20.093	23.640	20.694
3	Thực phẩm chế biến	Tấn	104	311	772	925	802
4	Bao bì	Ngàn cái	2.232	5.788	3.311	2.146	
5	Nước khoáng	Ngàn lít	3.567	14.528	15.532	13.947	12.159
6	Xăng, dầu	Ngàn lít	713	3.072	3.044	2.416	3.179
7	Xe honda	Chiếc	1.721	7.001	6.118	4.952	6.951
<b>III</b>	<b>Kim ngạch XNK</b>						
	- Xuất khẩu	1000USD	65.556	232.116	202.438	166.395	240.009
	- Nhập khẩu	1000USD		1.924	1.642	8.334	9.597
<b>IV</b>	<b>Doanh thu</b>	Tỷ đồng	<b>1.500,740</b>	<b>10.104,049</b>	<b>9.548,525</b>	<b>7.779,637</b>	<b>10.263,111</b>
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tỷ đồng	<b>(1.837,031)</b>	<b>(190,818)</b>	<b>(271,803)</b>	<b>(352,088)</b>	<b>2,322</b>

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	Thực hiện từ 9/10-31/12/2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022
VI	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	12,365	171,636	165,435	59,257	64,322

\* Tổng hợp toàn Tổng công ty

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	Thực hiện từ 9/10-31/12/2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.615,199	16.834,975	17.118,766	16.875,272	17.717,101
2	Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	(1.393,350)	(62,808)	(244,499)	(273,227)	91,344

(ii) Về quản lý sử dụng vốn

- HĐQT ủy quyền sử dụng hạn mức vay ngân hàng cho các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc để đảm bảo nguồn vốn thực hiện kế hoạch SXKD. Đồng thời, chỉ đạo Ban điều hành thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ, toàn diện việc quản lý, sử dụng vốn tại các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

- Chỉ đạo tăng cường quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty thông qua hệ thống người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

- Tình hình tài chính Tổng công ty luôn gặp rất nhiều khó khăn, HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn; chỉ đạo và cùng với Ban điều hành làm việc với các ngân hàng về hạn mức tín dụng, vay phù hợp; chỉ đạo xây dựng chi tiết kế hoạch vay vốn và trả nợ với điều kiện thực tế của Tổng công ty nhằm đảm bảo ổn định hoạt động SXKD toàn Tổng công ty.

- Đồng thời, chỉ đạo việc thu hồi các khoản công nợ của Tổng công ty.

(iii) Về quản lý sử dụng tài sản và đầu tư phát triển:

- Chỉ đạo rà soát, có phương án sử dụng có hiệu quả các tài sản hiện có của Tổng công ty để tăng nguồn thu cho Tổng công ty; phê duyệt chủ trương thanh lý, nhượng bán tài sản không cần dùng tại các đơn vị phụ thuộc và Văn phòng Tổng công ty để thu hồi vốn.

- Chủ trương ưu tiên đầu tư một số hạng mục cần thiết phục vụ cho SXKD tại các đơn vị phụ thuộc; chủ trương thực hiện hợp tác khai thác để tăng hiệu quả sử dụng tài sản.

- Ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; mua sắm, thanh lý tài sản cố định và công cụ, dụng cụ của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

(iv) Về quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp:

- Chỉ đạo đối với Người đại diện của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết biểu quyết, quyết định trong cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đúng theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định của



Tổng công ty. Đồng thời có những chủ trương chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh tại các công ty thành viên.

- Chỉ đạo Người đại diện của Tổng công ty xây dựng phương án tái cơ cấu vốn đầu tư của Tổng công ty tại doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa Tổng công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

*(v) Về công tác quản lý, tổ chức, lao động:*

- Chỉ đạo thay đổi mô hình quản trị doanh nghiệp từ phân tán sang mô hình quản trị tập trung: tập trung về kinh doanh, dòng tiền, tài chính, đầu tư, sản xuất và tăng cường công tác quản lý khai thác tài sản, theo đó, hoạt động kinh doanh được tập trung về một đầu mối để quản trị, điều hành.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, định biên nhân sự bộ máy quản lý và các bộ phận nghiệp vụ theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Chỉ đạo kiện toàn nhân sự tại các Ban nghiệp vụ Tổng công ty và lãnh đạo tại các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc Tổng công ty; rà soát, cử người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.

- Chỉ đạo xây dựng và ban hành hệ thống quy chế, quy định quản trị nội bộ của Tổng công ty.

- Rà soát hoạt động của các đơn vị phụ thuộc, công ty có vốn góp Tổng công ty để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của các đơn vị từ đó đánh giá lại năng lực lãnh đạo tại các đơn vị phụ thuộc và Người đại diện vốn tại các công ty có vốn góp Tổng công ty để kiện toàn và bổ sung ban lãnh đạo đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời có những chủ trương chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh tại các đơn vị.

- Ban hành Quy định về cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm các Ban nghiệp vụ của Tổng công ty.

- Ban hành Quy chế trả lương, thù lao, trả thưởng và thang, bảng lương theo vị trí, chức danh công việc của người quản lý, người lao động tại Cơ quan Văn phòng và các đơn vị phụ thuộc Tổng công ty.

*(vi) Công tác khác về quản trị doanh nghiệp:*

- Chỉ đạo thực hiện việc quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty, bàn giao sang công ty cổ phần.

- Chỉ đạo khẩn trương hoàn tất phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Chỉ đạo việc thu hồi các khoản công nợ của Tổng công ty, các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết.

- Chỉ đạo việc xây dựng đề án sắp xếp lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định số 360/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.



0613  
TỔNG  
CÔNG TY  
CÔNG TH  
ĐỀ N N  
TY CỔ P  
P. HỒ C

- Chỉ đạo triển khai thực hiện thoái vốn phần vốn đầu tư của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang.

- Chỉ đạo công bố thông tin doanh nghiệp của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện chuyển đổi số và triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ số vào một số lĩnh vực như: quản lý văn bản điện tử; nâng cấp phần mềm kế toán theo công nghệ điện toán đám mây; nâng cấp website của Vinafood II với hệ nhận diện thương hiệu mới; trang bị thiết bị chuyên dùng phục vụ hội nghị trực tuyến; ứng dụng khoa học công nghệ Plasma trong sản xuất chế biến sản phẩm sau gạo với công nghệ sạch, phù hợp xu hướng phát triển kinh tế xanh, nâng cao giá trị sản phẩm; triển khai mô hình bán gạo công nghệ cao 4.0 phục vụ kinh doanh bán lẻ gạo nội địa.

*(vii) Các hoạt động khác của HĐQT:*

- Hội đồng quản trị đã giám sát trực tiếp bằng hình thức tham dự các cuộc họp giao ban, sơ, tổng kết của Tổng công ty để chỉ đạo kịp thời việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị.

- Việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc theo đúng thẩm quyền, trách nhiệm, không gây chồng chéo, cản trở đến việc điều hành của Ban Tổng giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế thấp nhất những rủi ro phát sinh.

- Trong nhiệm kỳ qua, hoạt động Tổng công ty gặp nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng giám đốc đã rất nỗ lực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các chủ trương từ Hội đồng quản trị, linh hoạt trước những diễn biến của tình hình thực tế phát sinh tại Tổng công ty. Sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn được thực hiện chặt chẽ, kịp thời để nắm bắt và xử lý hiệu quả những vấn đề phát sinh và các tình huống cấp thiết.

- Trong công tác điều hành hoạt động hàng ngày, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ, các quy chế của Tổng công ty; đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc vì mục đích chung đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, hạn chế tối đa thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông; thực hiện báo cáo Hội đồng quản trị theo quy định.

Đồng thời, Hội đồng quản trị đã thành lập Ban Kiểm toán nội bộ (Quyết định số 17/2021/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 29/3/2021) và ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ (Quyết định số 19/2021/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 31/3/2021). Ban Kiểm toán nội bộ đã hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

## **II. Phương hướng hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028**

Trong nhiệm kỳ qua, các năm 2019-2021 kết quả sản xuất kinh doanh lỗ, năm 2022 HĐQT đã đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành, cùng với thực hiện đồng

bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn đã mang lại hiệu quả. Tuy nhiên, để Tổng công ty phát triển ổn định và bền vững cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- *Một là*, tập trung phát triển sản xuất kinh doanh trong đó chú trọng các mặt hàng gạo chất lượng cao và mở rộng, đầu tư phát triển sản xuất các sản phẩm sau gạo và các mặt hàng khác để gia tăng hiệu quả đảm bảo bền vững cho Tổng công ty.

- *Hai là*, hoàn tất và triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt.

- *Ba là*, hoàn tất hồ sơ pháp lý về nhà đất theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt và có phương án khai thác, sử dụng hợp lý tài sản hiện có mang lại hiệu quả cho Tổng công ty.

- *Bốn là*, sắp xếp, kiện toàn các chức danh người quản lý khối công ty mẹ, người đại diện vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp và người lao động Tổng công ty đảm bảo bộ máy tinh gọn hiệu quả, nâng cao hiệu quả hoạt động toàn Tổng công ty.

- *Năm là*, thực hiện chuyển đổi số theo kế hoạch chuyển đổi số được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt, gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, thúc đẩy chuyển đổi số trong toàn Tổng công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh của Tổng công ty.

- *Sáu là*, tăng cường công tác kiểm tra giám sát toàn diện đối với các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc và giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động các công ty có vốn góp của Tổng công ty thông qua người đại diện.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, KHTH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Huy Hưng**

7





## TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn)



TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

### **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT Nhiệm kỳ 2018-2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty);*

*Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty;*

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS trong nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng, nhiệm vụ của BKS nhiệm kỳ 2023-2028 với các nội dung sau:

#### **1. Tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023**

##### **1. Nhân sự của Ban kiểm soát:**

Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2133/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) lần đầu ngày 11/9/2018 đã bầu thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2018 – 2023 có 03 thành viên, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Quốc Đạt: Trưởng Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Thảo: Thành viên

Ông Nguyễn Như Khoa: Thành viên

Ngày 29/02/2020, tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 đã ban hành Nghị quyết số 01/2020/VSF-ĐHĐCĐ, trong đó thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Tuấn Vinh: Trưởng Ban kiểm soát

Ông Trần Vĩnh Thanh: Thành viên

Ông Nguyễn Như Khoa: Thành viên

Ngày 31/05/2022, ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 tiếp tục thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát từ thời điểm đó đến thời điểm hiện tại như sau:



*Handwritten signature*

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29/02/2020	Cử nhân kinh tế
2	Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/9/2018	Thạc sỹ QTKD
3	Bà Trần Thị Đoàn Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/5/2022	Cử nhân Ngoại Thương; Cử nhân Kế toán

## 2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong nhiệm kỳ 2018-2023, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- Giám sát việc triển khai thực hiện và kết quả của Nghị quyết Đại hội cổ đông.
- Thực hiện giám sát HDQT, Ban Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty.
- Thẩm định, rà soát các Báo cáo soát xét bán niên, Báo cáo tài chính năm, Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Tham gia ý kiến trong việc xây dựng lại các Quy chế, Quy định của Tổng công ty phù hợp với mô hình hoạt động của công ty cổ phần.
- Thực hiện và kết hợp thực hiện kiểm tra hoạt động một số đơn vị phụ thuộc Tổng công ty.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các công tác khác theo quy định.

## II. Kết quả kinh doanh nhiệm kỳ 2018-2023:

Bảng cân đối kế toán qua các năm với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Đvt: Tỷ đồng							
CHỈ TIÊU	Mã	9/10/ 2018	31/12/ 2018	31/12/ 2019	31/12/ 2020	31/12/ 2021	31/12/ 2022
<b>TÀI SẢN</b>							
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	<b>4.372,2</b>	<b>2.802,0</b>	<b>1.649,1</b>	<b>1.392,6</b>	<b>1.367,0</b>	<b>3.486,2</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	205,8	256,0	293,5	297,1	182,3	876,9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2,0	2,0	2,0	0,0	0,0	0,0
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2.006,4	364,1	529,5	453,8	331,4	1.744,3
Hàng tồn kho	140	2.073,7	1.946,1	727,3	525,4	723,6	727,3
Tài sản ngắn hạn khác	150	84,2	233,8	96,7	116,2	129,8	137,7
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>	<b>4.590,6</b>	<b>4.108,9</b>	<b>3.822,5</b>	<b>3.549,1</b>	<b>3.277,6</b>	<b>3.155,6</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210	607,4	603,4	594,9	594,8	587,2	608,0
Tài sản cố định	220	2.450,9	2.401,8	2.164,3	1.941,8	1.726,7	1.630,6
Bất động sản đầu tư	230	23,3	23,1	22,3	21,5	20,7	20,7
Tài sản dở dang dài hạn	240	71,0	71,0	10,9	11,7	9,1	24,2
Đầu tư tài chính dài hạn	250	1.281,1	855,6	840,5	813,8	792,0	731,6
Tài sản dài hạn khác	260	156,9	154,0	189,6	165,6	141,8	141,0

CHỈ TIÊU	Mã	9/10/ 2018	31/12/ 2018	31/12/ 2019	31/12/ 2020	31/12/ 2021	31/12/ 2022
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>8.962,8</b>	<b>6.910,9</b>	<b>5.471,6</b>	<b>4.941,7</b>	<b>4.644,6</b>	<b>6.641,8</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>							
<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>	<b>3.743,3</b>	<b>3.514,3</b>	<b>2.267,7</b>	<b>2.009,5</b>	<b>2.064,5</b>	<b>4.059,4</b>
Nợ ngắn hạn	310	3.111,0	2.888,6	1.662,6	1.406,9	1.468,8	3.411,1
Nợ dài hạn	330	632,3	625,7	605,1	602,6	595,7	648,3
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>5.219,5</b>	<b>3.396,6</b>	<b>3.204,0</b>	<b>2.932,2</b>	<b>2.580,1</b>	<b>2.582,4</b>
Vốn góp/vốn cổ phần	411	5.000,0	5.000,0	5.000,0	5.000,0	5.000,0	5.000,0
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(12,3)	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	231,8	231,8	231,8	231,8	231,8	231,8
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	421	0,0	(1.835,2)	(2.027,8)	(2.299,7)	(2.651,7)	(2.649,4)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>8.962,8</b>	<b>6.910,9</b>	<b>5.471,6</b>	<b>4.941,7</b>	<b>4.644,6</b>	<b>6.641,8</b>

**Báo cáo kết quả kinh doanh qua các năm**

*Dvt: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Mã	Từ 9/10/2018 đến 31/12/2018	2019	2020	2021	2022	Tăng trưởng Bq
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.491,0	10.006,4	9.451,3	7.682,9	10.052,8	2%
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0,4	13,7	6,3	6,1	4,4	-28%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	1.490,5	9.992,7	9.444,9	7.676,9	10.048,4	2%
Giá vốn hàng bán	11	1.445,7	9.150,3	9.086,1	7.440,4	9.413,3	3%
Lợi nhuận/(lỗ) gộp (20 = 10 - 11)	20	44,8	842,4	358,9	236,4	635,1	26%
Doanh thu hoạt động tài chính	21	7,2	78,0	83,3	88,1	191,4	43%
Chi phí tài chính	22	461,9	168,2	148,5	129,0	210,6	13%
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	26,0	118,9	75,9	77,8	87,6	-7%
Chi phí bán hàng	25	59,2	708,3	326,4	323,1	411,6	-9%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1.366,8	217,0	206,1	189,3	220,6	1%
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30	(1.835,9)	(173,1)	(238,7)	(316,9)	(16,4)	-8%
Thu nhập khác	31	3,0	33,3	20,2	14,6	23,3	-2%
Chi phí khác	32	4,1	51,0	53,3	49,9	4,6	-31%
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40	(1,1)	(17,8)	(33,1)	(35,2)	18,7	-20%
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(1.837,0)	(190,8)	(271,8)	(352,1)	2,3	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	(1,8)	1,8	0,0	0,0	0,0	
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	(1.835,2)	(192,6)	(271,8)	(352,1)	2,3	

**Nhận xét:**

*Handwritten signature*



- Tổng tài sản có sự giảm sút đáng kể do ngay sau khi chuyển đổi từ công ty TNHH sang công ty cổ phần, Tổng công ty đã phải trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 1.317,7 tỷ và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 425,5 tỷ theo đúng chế độ kế toán Tổng công ty đang áp dụng.

- Trong giữ nhiệm kỳ, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong tổng tài sản có xu hướng giảm do hàng tồn kho tạm trữ không được duy trì nhiều như những năm trước, biểu hiện của việc thiếu hụt vốn trong kinh doanh, việc này đã được khắc phục trong năm cuối của nhiệm kỳ.

- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu luôn được đảm bảo  $< 3$ , tuy nhiên dư nợ vay ngắn hạn có xu hướng tăng, điều đó có nghĩa Tổng công ty được tài trợ đủ vốn kinh doanh đồng nghĩa với việc rủi ro về chi phí lãi vay trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô có biến động về lạm phát.

- Vốn chủ sở hữu trong cả nhiệm kỳ chưa được bảo toàn, tuy nhiên năm 2022 có dấu hiệu khởi sắc, tạo tiền đề cho các năm tiếp theo.

- Doanh thu và sản lượng sau 02 năm liên tiếp sụt giảm (2020, 2021) đã hồi phục và tăng trưởng tốt trong năm 2022.

### **III. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc nhiệm kỳ 2018-2023**

#### **1. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong quản lý điều hành:**

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc của Tổng công ty đã tổ chức, thực hiện đầy đủ quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy định liên quan của Pháp luật.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường, lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, ban hành các Nghị quyết, quyết định và thảo luận các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT.

#### **2. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty**

Trong suốt nhiệm kỳ 2018-2023, Ban kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc theo đúng diễn biến hoạt động của Tổng công ty. Ban kiểm soát đã duy trì mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng giám đốc, được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát.

### **IV. Báo cáo chi phí thù lao của Ban kiểm soát**

Tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ 2018-2023 được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật.

### **V. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028**

- Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ

tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền nam – Công ty cổ phần và các quy định nội bộ của Tổng công ty.

- Giám sát việc chấp hành, tuân thủ theo Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật có liên quan. Giám sát công tác quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm.

- Phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc từng bước xây dựng và thiết lập hệ thống quản trị rủi ro, quy trình quản trị rủi ro của Tổng công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Tuấn Vinh**





# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Trụ sở chính: 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Giấy CNĐKDĐ số: 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/11/2021.

Điện thoại: (028) 38370026 Fax: (028) 38365898 - 38365899

Website: www.vinafood2.com.vn

DỰ THẢO



## QUY CHẾ LÀM VIỆC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

### TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần;*

*Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.*

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

#### 1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

#### 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Tổng công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.



### **3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT**

- Tổng công ty : Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- Kiểm soát viên : Thành viên Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

### **4. NỘI DUNG QUY CHẾ**

#### **4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

#### **4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội**

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Tổng công ty theo danh sách chốt tại ngày 14/3/2023 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện

được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

#### **4.3 Khách mời tại Đại hội**

- Là các chức danh quản lý của Tổng công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Tổng công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

#### **4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau**

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), phòng Covid -19 theo quy định, giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.

- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

#### **4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa**

- Đoàn chủ tọa gồm Chủ tọa và các thành viên.

- Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập;

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

ỦY BAN  
TỔ CHỨC  
LƯU  
M  
CỘNG  
HỘI

điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.

- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

#### **4.6 Thư ký Đại hội**

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.

- Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

#### **4.7 Ban kiểm phiếu**

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban kiểm phiếu.



- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử;
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.

#### **4.8 Ban kiểm tra tư cách đại biểu**

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên, do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.

- Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp;
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty được tổ chức tiến hành.

#### **4.9 Phát biểu tại Đại hội**

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

#### **4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội**

##### **4.10.1 Nguyên tắc**

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Tổng công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu Bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.



- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.

- Hình thức biểu quyết như sau:

○ Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử; Nhân sự Đoàn chủ tọa; Nhân sự Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);

○ Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2022; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát; Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

#### **4.10.2 Cách thức biểu quyết**

○ Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.

○ Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.

○ Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “□” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

#### **4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết**

➤ **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, có đóng dấu đỏ của Tổng công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Tổng công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, phiếu không có chữ ký, không ghi đầy đủ họ tên của đại biểu, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

#### **4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết**

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 14/3/2023) tổng số cổ phần của Tổng công ty là: 500.000.000 cổ phần tương đương với 500.000.000 quyền biểu quyết.

- Mỗi quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 66% trở lên tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội theo quy định tại khoản 1 điều 21 Điều lệ Tổng công ty. Lưu ý:

- Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/đại diện ủy quyền chiếm từ 66% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành. Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan (theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 40 Điều lệ Tổng công ty) không có quyền biểu quyết. (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).

- Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

#### **4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết**



- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban kiểm phiếu.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử.
- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

#### **4.11 Bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát phải được thực hiện theo Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội.

#### **4.12 Biên bản, nghị quyết ĐHĐCĐ**

Biên bản họp và nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

### **5. Thực hiện**

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Tổng công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh, phòng Covid-19 ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại Quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

***Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Tổng công ty biểu quyết thông qua.***

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Huy Hưng**



## TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Trụ sở chính: 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Giấy CNĐKDN số: 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/11/2021.

Điện thoại: (028) 38370026 Fax: (028) 38365898 - 38365899 Website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn)

DỰ THẢO

### QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023 - 2028 TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần;*

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần như sau:

#### I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Tổng công ty : Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

#### II. Chủ tọa tại đại hội

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT và BKS;

- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

### **III. Quy chế đề cử, ứng cử HĐQT**

- Số lượng thành viên HĐQT: 05 người
- Nhiệm kỳ: 2023 - 2028
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế

#### **1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT: (theo Điều 25 Điều lệ Tổng công ty)**

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử đủ ứng viên.

- Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

- Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

#### **2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị: Ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP)**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh



ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

- Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác.

#### **IV. Quy chế đề cử, ứng cử Ban kiểm soát:**

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 03 người
- Nhiệm kỳ: 2023 – 2028
- Số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát tối đa: không hạn chế.

##### **1. Quyền đề cử, ứng cử: (theo Điều 36 Điều lệ Tổng công ty)**

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử đủ ứng viên.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

**2. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Ban Kiểm Soát:** Ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Khoản 1, Điều 169 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14; Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Tổng công ty)



- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty;

- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

- Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

## **V. Nguyên tắc bầu cử:**

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số phiếu bầu của cổ đông có quyền biểu quyết dự họp.

- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đại hội đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

## **VI. Phương thức bầu cử:**

- Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

- Phương thức bầu cử: *(Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)*

• Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS.

• Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Trường hợp sau khi phân bổ, số phiếu bầu có phần thập phân thì bỏ phần thập phân.

• Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu HĐQT và một phiếu bầu BKS. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

• Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

• Cách ghi Phiếu bầu cử:

- ✓ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu;
- ✓ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** của các ứng viên tương ứng.
- ✓ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô **“Số phiếu bầu”** của các ứng viên tương ứng.

#### **Lưu ý:**

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu bầu được ghi ở ô **“Số phiếu bầu”**.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, có đóng dấu đỏ của Tổng công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

198-C  
TƯ  
HỢC  
AM  
CHÂN  
CHÍNH



- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Tổng công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của các đại biểu lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Không có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm phiếu và của đại diện cổ đông (nếu cần).

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ toạ đại hội giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty.

#### **VII. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:**

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

#### **VIII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT, BKS:**

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT và BKS (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu).
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu.

- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử theo quy định tại điều lệ Tổng công ty.

Người đề cử vào HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần theo địa chỉ sau:

**Văn phòng Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

**Địa chỉ: 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.HCM**

**Điện thoại: (028) 3837 0026 - Fax: (028) 3836 5898**

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử đề cử bầu vào Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Quy chế này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.**

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, VP.

**Nguyễn Huy Hưng**

TỔNG CÔNG TY  
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2023/VSF-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2023

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần;*

*Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần;*

*Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần số ...../2022/VSF-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 4 năm 2023.*

**QUYẾT NGHỊ:**

Ngày 09 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường Thống Nhất - Cổng số 135 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty) được tổ chức với sự tham gia của ..... cổ đông sở hữu ..... cổ phần chiếm ..... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

Sau khi nghe trình bày các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ..... chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2022

*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ..... chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát



*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ..... chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Tổng công ty đã được kiểm toán

*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ..... chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 5.** Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần tại Tờ trình số ...../TTr-LTMN-HĐQT ngày ..../4/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty, với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Tổng doanh thu: 8.700.450 triệu đồng.
2. Tổng lợi nhuận trước thuế: 2.500 triệu đồng.
3. Các khoản nộp ngân sách nhà nước: Theo quy định.
4. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản: 154.472 triệu đồng.

*(Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều chưa tính tới các yếu tố khách quan, bất khả kháng phát sinh trong năm tài chính 2023).*

*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ..... chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 6.** Thông qua Tờ trình số ...../TTr-LTMN-HĐQT ngày ..../4/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty mẹ. Trong đó, năm 2022 và kế hoạch năm 2023 Công ty mẹ còn số lỗ lũy kế nên không trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận và chia cổ tức.

*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ..... chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 7.** Thông qua Tờ trình số ...../TTr-LTMN-HĐQT ngày ..../4/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ..... chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 8.** Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập theo Tờ trình số ...../TTr-LTMN-BKS ngày ..../4/2023 của Ban kiểm soát Tổng công ty. Giao Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn công ty kiểm toán độc lập trong danh sách được phê duyệt trên để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty.

*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là .....  
chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 9.** Thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty (được sửa đổi, bổ sung, bao gồm bổ sung ngành nghề kinh doanh theo Tờ trình số ...../TTr-LTMN-HĐQT ngày ...../4/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty). Giao Hội đồng quản trị hoàn thiện Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, thực hiện thủ tục bổ sung ngành nghề kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố thông tin sửa đổi Điều lệ theo quy định của pháp luật.

*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là .....  
chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 10.** Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty (được sửa đổi, bổ sung theo Tờ trình số ...../TTr-LTMN-HĐQT ngày ...../4/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty). Giao Hội đồng quản trị hoàn thiện Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là .....  
chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 11.** Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty theo Tờ trình số ...../TTr-LTMN-HĐQT ngày ...../4/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty. Quy chế này được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là .....  
chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 12.** Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty theo Tờ trình số ...../TTr-LTMN-BKS ngày ...../4/2023 của Ban kiểm soát Tổng công ty. Quy chế này được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là .....  
chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 13.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023.

*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là .....  
chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 14.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.

*Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là .....  
chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*



**Điều 15.** Đại hội đồng cổ đông đã bầu Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028, như sau:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ bầu (%)

**Điều 16.** Đại hội đồng cổ đông đã bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028, như sau:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ bầu (%)

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần thông qua toàn văn tại cuộc họp.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Nơi nhận:**

- Cổ đông VINAFOOD II;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, VP.

**Nguyễn Huy Hưng**





TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

MẪU



# THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: **VSF.000...**

Họ và tên Đại biểu: .....

Số lượng cổ phần sở hữu: ..... cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ..... cổ phần

**Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: ..... cổ phần**



**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**



**PHIẾU BIỂU QUYẾT**  
**MÃ ĐẠI BIỂU: VSF.000...**

**MẪU**

Họ và tên Đại biểu: .....  
Số lượng cổ phần sở hữu: ..... cổ phần  
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ..... cổ phần  
Tổng số lượng cổ phần đại diện: ..... cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT			
Nội dung 02: Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc			
Nội dung 03: Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS			
Nội dung 04: Tờ trình BCTC năm 2022 của Tổng công ty đã được kiểm toán			
Nội dung 05: Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023			
Nội dung 06: Tờ trình phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2022 và KH năm 2023			
Nội dung 07: Tờ trình lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và KII năm 2023			
Nội dung 08: Tờ trình phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; và giao HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán độc lập trong danh sách được phê duyệt			
Nội dung 09: Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty			
Nội dung 10: Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty			
Nội dung 11: Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty			
Nội dung 12: Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của BKS Tổng công ty			
Nội dung 13: Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023			
Nội dung 14: Báo cáo hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2018-2023			
Nội dung 15: Tờ trình bầu Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028			
Nội dung 16: Tờ trình bầu Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2023 - 2028			

**Hướng dẫn:**

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô: **Tán thành**  
**/Không tán thành/Không có ý kiến** đối với từng nội  
dung biểu quyết.

Ngày 09 tháng 4 năm 2023

**ĐẠI BIỂU**

(Ký và Ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ỦY QUYỀN**  
**THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

**Kính gửi: Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

**Tên cổ đông:**.....

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN số:..... cấp ngày .../.../..... tại.....

Địa chỉ: .....Điện thoại: .....

Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu: .....cổ phần.

(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)

**1. ĐĂNG KÝ DỰ HỌP** ☐

**2. ỦY QUYỀN CHO** ☐

**Tên cá nhân/tổ chức:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN số:..... cấp ngày .../.../..... tại.....

Địa chỉ : .....

Điện thoại: ..... Email: .....

Số cổ phần được ủy quyền: .....cổ phần.

**HOẶC**

Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, quý cổ đông có thể ủy quyền cho **một người** trong các thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) Tổng công ty theo danh sách dưới đây:

Số	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn
1	Ông Nguyễn Huy Hưng	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	
3	Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT	

(Lưu ý: Vui lòng đánh dấu chọn (X) bên cạnh tên thành viên Hội đồng quản trị mà quý cổ đông chọn ủy quyền, chỉ chọn ủy quyền cho một người toàn bộ số cổ phần sở hữu)

**Nội dung ủy quyền:**

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần tổ chức ngày 09 tháng 4 năm 2023 và đại diện Bên ủy quyền biểu quyết thông qua các nội dung hợp lệ trong chương trình đại hội với tư cách là đại diện cho số cổ phần được nhận ủy quyền nêu trên.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật.

**Lưu ý:**

Việc thực hiện ủy quyền phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về dân sự, Điều lệ Tổng công ty. Người nhận ủy quyền phải mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu và giấy ủy quyền khi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền có chữ ký sống của hai bên, đối với nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì cần có thêm dấu của tổ chức ủy quyền. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi buổi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần kết thúc.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2023

**BÊN NHẬN ỦY QUYỀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**BÊN ỦY QUYỀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)